

Mẫu CBTT/SGDHCM-02

(Ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 08 năm 2016 của TGD SGDCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK TPHCM)

**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC -
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16/CBTT/2018

Thủ Dầu Một, ngày 06 tháng 03 năm 2018

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN
NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM**

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM.

- Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**
- Mã chứng khoán: **BWE**
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 11 Ngô Văn Trị, P. Phú Lợi, TP.Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
- Điện thoại: 0274.3824 245 Fax: 0274.3897 722
- Người thực hiện công bố thông tin: Bà **Dương Anh Thư**
Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát

Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố thông tin (*):

+ **Công bố thông tin: Tài liệu Đại hội cổ đông thường niên năm 2018.**

+ Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 06/03/2018 tại đường dẫn : <http://www.biwase.com.vn>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

- Tài liệu đính kèm/

Tài liệu liên quan đến việc CBTT /

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người U Q CBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Dương Anh Thư



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG



TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2018



Thủ Dầu Một, ngày 20 tháng 03 năm 2018



**CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC –
MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thủ Dầu Một, ngày 2 tháng 3 năm 2018

DANH MỤC TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
Ngày 20/03/2018

1. Quy chế làm việc của Đại hội cổ đông.
2. Chương trình Đại hội.
3. Thê lệ biểu quyết.
4. Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017
5. Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và Kế hoạch năm 2018.
6. Báo cáo tài chính tóm tắt đã kiểm toán năm 2017.
7. Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2017.
8. Tờ trình và tiến hành bầu thay thế thành viên ban kiểm soát.
9. Tờ trình phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2017.
10. Tờ trình điều chỉnh trích lập quỹ lương, khen thưởng phúc lợi năm 2017.
11. Tờ trình Kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2018.
12. Tờ trình Quỹ tiền lương của người lao động và Quỹ tiền lương của lãnh đạo, người quản lý, điều hành trực tiếp công ty năm 2018.
13. Tờ trình Kế hoạch chi trả lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Hội đồng quản trị năm 2018.
14. Tờ trình Lựa chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018.
15. Tờ trình và Quy chế quản trị nội bộ (kèm Phụ lục)
16. Tờ trình Sửa đổi, bổ sung điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nước –Môi trường Bình Dương (kèm Phụ lục).
17. Dự thảo Biên bản & Nghị quyết của Đại hội.

Thủ Dầu Một, ngày 2. tháng 3. năm 2018

QUY CHẾ LÀM VIỆC
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương.

Công ty Cổ phần Nước – môi trường Bình Dương xây dựng Quy chế làm việc của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 như sau:

Điều 1: Điều kiện tiến hành Đại hội

Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách cổ đông Công ty được chốt ngày 07/02/2018 (Theo thông báo số 30/TB-CNVSD của trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam ngày 11/01/2018 về việc chốt danh sách cổ đông để tổ chức đại hội cổ đông thường niên năm 2018).

Điều 2: Đoàn Chủ tịch Đại hội

Đoàn Chủ tịch gồm 03 người, do Hội đồng quản trị đề cử và được Đại hội cổ đông biểu quyết thông qua. Chủ tịch Hội đồng quản trị là chủ tọa Đại hội. Đoàn Chủ tịch có nhiệm vụ sau:

- Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty theo chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Hướng dẫn cổ đông và Đại hội thảo luận.
- Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.
- Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết.
- Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập trung, dân chủ, quyết định theo đa số cổ phần của các cổ đông sở hữu.

Điều 3: Ban Thư ký Đại hội

Ban Thư ký gồm 02 người, do Hội đồng quản trị đề cử và được Đại hội cổ đông biểu quyết thông qua. Ban Thư ký có nhiệm vụ sau:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội.
- Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn Chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.
- Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của các cổ đông.

Điều 4: Ban kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội

Ban kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội gồm 02 người, do Hội đồng quản trị Công ty quyết định. Ban kiểm tra có nhiệm vụ sau:

- Kiểm tra tư cách cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
- Báo cáo trước Đại hội tình hình cổ đông đến dự họp. Nếu cuộc họp có số lượng cổ đông đến tham dự, đại diện ít nhất **51%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết thì cuộc họp Đại hội cổ đông của Công ty đủ điều kiện tiến hành.

Điều 5: Cổ đông tham dự Đại hội

- Các cổ đông của Công ty có tên trong danh sách được chốt đến ngày 16/03/2017 hoặc người được ủy quyền (gọi chung là cổ đông) đều có quyền tham dự Đại hội.
- Cổ đông tham dự Đại hội phải có mặt đúng thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với Ban tổ chức Đại hội.
- Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền cho người khác.
- Trong quá trình diễn ra Đại hội, cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Đoàn Chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự. Khi ra ngoài hội trường phải chấp hành các quy định và theo sự hướng dẫn của Ban tổ chức.
- Cổ đông được biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định tại Điều lệ của Công ty Cổ phần Nước – môi trường Bình Dương.
- Cổ đông sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua bằng biểu quyết.

Điều 6: Phát biểu ý kiến trong Đại hội

Cổ đông đăng ký nội dung phát biểu với Đoàn Chủ tịch (qua Thư ký Đại hội), khi phát biểu hoặc tranh luận thì cần giơ tay, chỉ khi được Đoàn Chủ tịch nhất trí mới được phát biểu ý kiến. Nội dung phát biểu cần ngắn gọn, tránh trùng lặp với các nội dung, ý kiến khác đã nêu và phù hợp với chương trình Đại hội.

Điều 7: Biểu quyết

Mỗi cổ đông hoặc đại diện cổ đông đến tham dự Đại hội được phát **01 Phiếu biểu quyết**, mỗi Phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần mà cổ đông nắm giữ và phần được ủy quyền (nếu có). Phiếu này dùng để biểu quyết thông qua các nội dung sau:

- Biểu quyết thông qua Đoàn Chủ tịch, Thư ký Đại hội.
- Biểu quyết thông qua Quy chế làm việc của Đại hội.
- Biểu quyết thông qua các Báo cáo, Tờ trình, Biên bản và Nghị quyết Đại hội.
- Và biểu quyết các vấn đề khác tại Đại hội.

*** Hình thức biểu quyết:**

- Đại hội biểu quyết từng vấn đề theo sự điều khiển của Đoàn Chủ tịch và theo trình tự trong nội dung chương trình Đại hội. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách biểu quyết trực tiếp.

- Ban Thư ký có trách nhiệm tập hợp kết quả biểu quyết: Đồng ý, không đồng ý. Kết quả biểu quyết được tổng hợp và công bố trong Biên bản của Đại hội.

- Các vấn đề biểu quyết trong Đại hội được thông qua khi có ít nhất 65% trên tổng số cổ phần tham dự Đại hội có quyền biểu quyết thông qua.

Điều 8: Điều khoản chung

Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc của Đại hội cổ đông này. Cổ đông vi phạm quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn Chủ tịch sẽ xem xét và có hình thức xử lý.

Trên đây là Quy chế Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương. Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty biểu quyết thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.



Nguyễn Văn Thiên

Thủ Dầu Một, ngày 28 tháng 02 năm 2018

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Thời gian: 8h00' ngày 20/03/2017 - Thứ ba

Địa điểm: Số 11 Ngô Văn Tri, phường Phú Lợi, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

STT	Nội dung	Thời gian	Người thực hiện
1	- Đón tiếp, đăng ký cổ đông dự họp, phát tài liệu đại hội.	8h00-8h30	Ban tổ chức
2	Khai mạc đại hội - Chào cờ. - Tuyên bố lý do tổ chức đại hội và giới thiệu thành phần tham dự.	8h30-8h45	Ban tổ chức
3	- Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông. - Bầu Đoàn chủ tọa, ban thư ký, Ban kiểm phiếu	8h45-8h50	Ban tổ chức
4	- Thông qua Quy chế làm việc của đại hội. - Thông qua chương trình đại hội. - Thông qua thể lệ biểu quyết	8h50-9h00	Ban tổ chức
5	Báo cáo của Chủ tịch Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017.	9h00-9h20	Ông Nguyễn Văn Thiên
6	Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và Kế hoạch năm 2018.	9h20-9h40	Ông Trần Chiến Công
7	Báo cáo tài chính tóm tắt đã kiểm toán năm 2017.	9h40-9h55	Ông Trần Tấn Đức
8	Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2017.	9h55-10h05	Bà Dương Anh Thư
9	Đóng góp ý kiến của các cổ đông về các báo cáo và giải đáp tại đại hội.	10h05 – 10h15	Đoàn Chủ tịch
10	Thông qua tờ trình và tiến hành bầu thay thế thành viên ban kiểm soát	10h15 – 10h20	Ban điều hành
	<i>Giải lao</i>	10h20 – 10h35	
11	- Thông qua Tờ trình phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2017. - Tờ trình điều chỉnh trích lập quỹ lương, khen thưởng phúc lợi năm 2017. - Tờ trình Kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2018.	10h35-10h40	Ông Nguyễn Văn Thiên
12	- Thông qua Tờ trình Quỹ tiền lương của người lao động và Quỹ tiền lương của lãnh đạo, người quản lý, điều hành trực tiếp công ty năm 2018. - Thông qua Tờ trình Kế hoạch chi trả lương, thù	10h40-10h50	Ban điều hành

	lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thủ ký Hội đồng quản trị năm 2018. - Thông qua tờ trình Lựa chọn Đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018		
13	Báo cáo kết quả kiểm phiếu bầu thay thế thành viên ban kiểm soát.	10h50-10h55	Ban điều hành
14	Thông qua Quy chế quản trị nội bộ (kèm Phụ lục)	10h55-11h05	Ban điều hành
15	Thông qua tờ trình Sửa đổi, bổ sung điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương (kèm Phụ lục).	11h05-11h10	Ban điều hành
16	Thông qua Biên bản đại hội	11h10 – 11h20	Bà Lê Ngọc Lan Thảo
17	Thông qua Nghị quyết của Đại hội	11h20 – 11h25	Ông Nguyễn Văn Thiên
18	Bế mạc Đại hội	11h25 – 11h30	Ban tổ chức



Trương Văn Nghĩa

Thủ Dầu Một, ngày 2. tháng 3. năm 2018

THẺ LỆ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 24/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương.

I/ Mục đích:

Nhằm đảm bảo kết luận một cách chính xác các vấn đề được nêu ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương.

II/ Nguyên tắc biểu quyết:

1. Chính xác, đúng pháp luật, đúng điều lệ.
2. Số phiếu biểu quyết được tính theo số cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu.
3. Kết quả biểu quyết được tính trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

III/ Cách tiến hành:

1. Những cổ đông được đăng ký tại Sổ Cổ đông của Công ty vào thời điểm Đại hội được quyền tham gia biểu quyết.
2. Mỗi đại biểu tham dự ĐHĐCĐ có quyền biểu quyết được phát một Phiếu biểu quyết. Trên Phiếu biểu quyết có ghi các thông tin: Tên cổ đông, Địa chỉ cổ đông và số lượng cổ phần biểu quyết.
3. Đối với mỗi vấn đề cần biểu quyết, Chủ tọa đoàn sẽ lấy ý kiến cổ đông bằng cách cầm Phiếu biểu quyết đưa lên cao theo các tình trạng sau: Đồng ý, Không đồng ý, Không ý kiến.

IV/ Kết quả biểu quyết:

1. Kết quả biểu quyết tính theo phần trăm (%) số cổ phần nắm giữ trên vốn điều lệ.
2. Các vấn đề đưa ra biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 được thông qua phù hợp theo Điều lệ và Luật Doanh nghiệp 2014.

V/ Hiệu lực:

Cách thức biểu quyết nêu trên có hiệu lực ngay sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua.



Nguyễn Văn Thiên

Số: 21 /BC - HĐQT

Thủ Dầu Một, ngày 02 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HĐQT VỀ QUẢN TRỊ & KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2017

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2018

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Nước-Môi trường Bình Dương được Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua ngày 22/09/2016;

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty được thông qua ngày 24/05/2017;

- Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 và Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2017;

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nước –Môi trường Bình Dương;

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước –Môi trường Bình Dương được Đại hội cổ đông thành lập bầu chọn vào ngày 22/09/2016, gồm 7 thành viên. Sau đây, thay mặt HĐQT, tôi xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên- năm 2018 về công tác quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT trong năm 2017 như sau:

I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CÔNG TY

1. Tên Công ty Đại chúng: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC –MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
2. Tên viết tắt: BIWASE
3. Mã chứng khoán: BWE
4. Địa chỉ trụ sở chính: số 11 Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, TP.Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
5. Điện thoại:+84- 274- 3825172 Fax: +84-274-3 827738
6. Ngành nghề kinh doanh chính: Khai thác, xử lý và cung cấp nước sạch; thu gom, xử lý nước thải, rác thải; kinh doanh các dịch vụ ngành nước và các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.
7. Vốn điều lệ: 1.500.000.000.000 đồng.(Một nghìn năm trăm tỷ đồng), số lượng cổ phần là 150.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Trong đó:

- Vốn nhà nước: 615.000.000.000 đồng (Sáu trăm mười lăm tỷ đồng), chiếm tỉ lệ 41%.
- Vốn cổ đông tham gia Công ty cổ phần là 885.000.000.000 đồng (Tám trăm tám mươi lăm tỷ đồng), chiếm tỉ lệ 59%.

8. Cơ cấu tổ chức, điều hành doanh nghiệp: Công ty cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương hoạt động theo Điều lệ của Công ty do Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua, căn cứ theo các quy định của Luật doanh nghiệp, dưới sự quản trị, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty. Tổ chức cơ cấu bộ máy điều hành gọn, nhẹ, chất lượng và hiệu quả, đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

II. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2017

1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị (HDQT) Công ty cổ phần Nước-Môi trường Bình Dương gồm 07 (bảy) thành viên như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết
1	Nguyễn Văn Thiên	Chủ tịch HDQT	Sở hữu cá nhân: 607.500CP (0,405%)
2	Trần Chiến Công	Thành viên HDQT	Sở hữu cá nhân: 215.989CP (0,144%) Đại diện cho Tổng công ty BECAMEX: 6.500.000CP (41%)
3	Dương Hoàng Sơn	Thành viên HDQT	Sở hữu cá nhân: 21.000CP (0,014%)
4	Nguyễn Thị Thu Vân	Thành viên HDQT	Sở hữu cá nhân: 61.500CP (0,041%)
5	Nguyễn Văn Trí	Thành viên HDQT	Sở hữu cá nhân: 1.000.000 CP (0,667%)
6	Nguyễn Thanh Phong	Thành viên HDQT độc lập	Sở hữu cá nhân: 0 CP
7	Tạ Trọng Hiệp	Thành viên HDQT độc lập	Sở hữu cá nhân: 0 CP

(Số lượng cổ phiếu căn cứ vào danh sách cổ đông chốt đến ngày 07/02/2018)

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị

a. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã thực hiện 11 (mười một) cuộc họp HDQT. Các cuộc họp HDQT đều có sự tham gia của Ban kiểm soát và đại diện Ban Giám đốc

Công ty. Báo cáo ghi nhận sự tham gia của các thành viên HĐQT tại các cuộc họp HĐQT trong năm 2017 như sau:

TT	Họ tên thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp	Tỷ lệ tham dự	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Thiên	Chủ tịch HĐQT	11/11	100%	
2	Trần Chiến Công	Thành viên HĐQT	11/11	100%	
3	Dương Hoàng Sơn	Thành viên HĐQT	11/11	100%	
4	Nguyễn Thị Thu Vân	Thành viên HĐQT	11/11	100%	
5	Nguyễn Thanh Phong	Thành viên HĐQT	10/11	90,9%	Vắng do đi công tác nước ngoài
6	Nguyễn Văn Trí	Thành viên HĐQT	11/11	100%	
7	Tạ Trọng Hiệp	Thành viên HĐQT	11/11	100%	

b. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị

Ngoài các nghị quyết của HĐQT được thông qua tại Biên bản các cuộc họp HĐQT, trong năm 2017, HĐQT đã ban hành các Nghị quyết/Quyết định về những vấn đề sau:

STT	Số và ký hiệu	Ngày ký	Nội dung
1.	665/QĐ-CPN.MT	25/05/2017	Quyết định chấp thuận Lê Minh Nguyệt chuyển công tác đến công ty CP Nước Thủ Dầu Một.
2.	670/QĐ-CPN.MT	25/05/2017	Quyết định ông Dương Hoài Ly thôi giữ chức vụ Q.GĐ Ban QLDA cấp nước Nam Thủ Dầu Một.
3.	671/QĐ-CPN.MT	25/05/2017	Quyết định bổ nhiệm ông Võ Văn Long kiêm nhiệm chức vụ Ban QLDA cấp nước Nam Thủ Dầu Một.
4.	669/QĐ-CPN.MT	25/05/2017	Quyết định khen thưởng cho tập thể và cá nhân đạt thành tích cao tại giải Xe đạp nữ Quốc tế Bình Dương mở rộng-năm 2017.
5.	17/2017/QĐ- PN.MT	06/06/2017	Quyết định ủy quyền cho ông Trần Chiến Công mở tài giao dịch tại công ty CP chứng khoán VNDIRECT.
6.	722/QĐ-CPN.MT	07/06/2017	Quyết định ông Nguyễn Thanh Hoàng thôi giữ chức vụ Giám đốc XNCN Thuận An và giữ chức vụ cán bộ kinh doanh XN Nước thải TDM
7.	723/QĐ-CPN.MT	07/06/2017	Quyết định bổ nhiệm ông Mai Song Hào giữ chức vụ

			Giám đốc XNCN Thuận An.
8.	724/QĐ-CPN.MT	07/06/2017	Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động đối với nhân viên Nguyễn Minh Mẫn
9.	18/QĐ-HĐQT	15/06/2017	Quyết định ban hành Quy chế quản trị của công ty CP Nước-Môi trường Bình Dương
10.	20/QĐ-CPN.MT	10/07/2017	Quyết định thành lập Tổ chứng khoán và quan hệ cổ đông BIWASE
11.	729/QĐ-CPN.MT	08/06/2017	Quyết định thành lập Hội đồng nâng bậc lương năm 2017
12.	732→ 756/QĐ-CPN.MT	08/06/2017	Quyết định chuyển ngạch lương cho các nhân sự.
13.	758/QĐ-CPN.MT	10/06/2017	Quyết định phê duyệt danh sách nhà thầu đạt kỹ thuật gói 2-dự án Thoát nước và XLNT Dĩ An, Thuận An, Tân Uyên
14.	779/QĐ-CPN.MT	15/06/2017	Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói TV09-kiểm toán công trình Dự án Cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương
15.	798/QĐ-CPN.MT	21/06/2017	Quyết định điều động ông Trương Minh Nhật đến phòng Quản lý tài sản thoát nước
16.	829/QĐ-CPN.MT	27/06/2017	Quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu –gói 2: Thoát nước và XLNT Dĩ An, Thuận An và Tân Uyên
17.	907/QĐ-CPN.MT	13/07/2017	Quyết định phê duyệt kết quả trúng thầu gói BDAF11: Hệ thống thoát nước và XLNT Dĩ An
18.	958/QĐ-CPN.MT	24/07/2017	Quyết định thành lập Ban bàn giao tài sản hư hỏng, không cần dùng cho công ty mua bán nợ
19.	967/QĐ-CPN.MT	25/07/2017	Quyết định phê duyệt dự toán phát sinh hợp đồng BDCW04-dự án ADB
20.	975/QĐ-CPN.MT	27/07/2017	Quyết định phê duyệt hồ sơ thiết kế, bản vẽ thi công, dự toán điều chỉnh gói 1-dự án Thoát nước và XLNT Dĩ An
21.	977/QĐ-CPN.MT	28/07/2017	Quyết định chấm dứt hợp đồng với nhân viên Lương Tấn Tới
22.	988/QĐ-CPN.MT	31/07/2017	Quyết định phê duyệt hệ số áp dụng tính trượt giá cho khối lượng thanh toán đợt 8 gói ICB-dự án Cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương

23.	1113/QĐ-CPN.MT	05/09/2017	Quyết định phê duyệt danh sách nhà thầu đạt điểm kỹ thuật gói 01A-Nâng công suất NM xử lý chất thải thêm 420 tấn/ngày
24.	1114/QĐ-CPN.MT	05/09/2017	Quyết định chỉ định thầu gói phát sinh hợp đồng BD6W04-Dự án ADB
25.	1115/QĐ-CPN.MT	05/09/2017	Quyết định phê duyệt danh sách nhà thầu đạt điểm kỹ thuật gói 03A- Nâng công suất NM xử lý chất thải thêm 420 tấn/ngày
26.	1118/QĐ-CPN.MT	06/09/2017	Quyết định điều động ông Trần Phong đến công tác tại XN Nước thải Thuận An
27.	1214/QĐ-CPN.MT	02/10/2017	Quyết định buộc thôi việc Đỗ Nam Hùng
28.	1215/QĐ-CPN.MT	02/10/2017	Quyết định chấm dứt hợp đồng lao động với Nguyễn Thị Phương
29.	1216 → 1233/QĐ-CPN.MT	02/10/2017	Quyết định điều chỉnh thu nhập cho một số nhân sự.
30.	1226/QĐ-CPN.MT	02/10/2017	Quyết định phê duyệt HSMT gói 3A, dự án Thoát nước và XLNT Dĩ An, Thuận An, Tân Uyên
31.	1232/QĐ-CPN.MT	04/10/2017	Quyết định phê duyệt phương án chọn máy bơm gói ICB04, dự án Cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương
32.	1235/QĐ-CPN.MT	04/10/2017	Quyết định phê duyệt hệ số áp dụng tính trượt giá cho khối lượng thanh toán đợt 9, gói ICB 03, dự án Cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương
33.	1256/QĐ-CPN.MT	09/10/2017	Quyết định điều động Cao Thị Cẩm Lệ về Đội xe đạp
34.	1260/QĐ-CPN.MT	09/10/2017	Quyết định phê duyệt giá trị quyết toán hợp đồng BDCW, dự án ADB
35.	1268/QĐ-CPN.MT	12/10/2017	Quyết định phê duyệt chi phí quyết toán vốn đầu tư hoàn thành hạng mục đền bù, dự án Cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương
36.	1272/QĐ-CPN.MT	14/10/2017	Quyết định cử ông Trần Tấn Đức –Kế toán trưởng công ty-di công tác tại Cuba
37.	1304/QĐ-CPN.MT	17/10/2017	Quyết định thành lập tổ đóng-mở thầu gói BDAF08-Hệ thống thoát nước và XLNT khu vực Dĩ An
38.	1312/QĐ-CPN.MT	21/10/2017	Quyết định điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn của QĐ số 5139/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 UBND tỉnh, dự án Cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương

39.	1314/QĐ-CPN.MT	23/10/2017	Quyết định phê duyệt điều chỉnh tổng dự toán dự án Cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương-GĐ1
40.	1316/QĐ-CPN.MT	23/10/2017	Quyết định kiểm tra chi phí thuê xe của XN xử lý chất thải
41.	1322/QĐ-CPN.MT	23/10/2017	Quyết định chấm dứt hoạt động chi nhánh phân bón Con Voi tại tỉnh Tiền Giang
42.	1357/QĐ-CPN.MT	06/11/2017	Quyết định cử ông Lê Vũ Tiên Hưng đi Nhật
43.	1391/QĐ-CPN.MT	10/11/2017	Quyết định điều động ông Nguyễn An Ninh đến Xí nghiệp Xây lắp Công nghệ Cơ điện BIWASE
44.	1461/QĐ-CPN.MT	28/11/2017	Quyết định thành lập tổ đóng-mở thầu, gói thầu BDAF07: Xây dựng tuyến ống thu gom nước thải cấp 1, 2 và trạm bơm nâng (lưu vực Rạch Cái Cầu), dự án Hệ thống thoát nước và XLNT khu vực Dĩ An
45.	1494/QĐ-CPN.MT	07/12/2017	Quyết định đình chỉ công tác đối với ông Phan Thế Anh
46.	1501/QĐ-CPN.MT	11/12/2017	Quyết định điều động ông Nguyễn Huy Hoàng đến công tác tại XN Xử lý chất thải
47.	1519/QĐ-CPN.MT	13/12/2017	Quyết định buộc thôi việc ông Phan Thế Anh
48.	1593/QĐ-CPN.MT	29/12/2017	Quyết định nghỉ hưu của bà Lê Thị Lan

c. Công tác quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị

– Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty.

– Chủ tịch HĐQT đã chỉ đạo quyết liệt trong việc thực thi các nội dung nghị quyết đại hội cổ đông đề ra, các mục tiêu sản xuất kinh doanh luôn được kiểm soát hàng tháng, quý cũng như kịp thời đôn đốc, nhắc nhở ban giám đốc công ty thực hiện có trọng tâm, trọng điểm các dự án đầu tư có tính chiến lược như xử lý tái chế rác, khí biogas phát điện... Trong năm, đặt biệt đã hoàn chỉnh phương án và áp dụng giá xử lý rác mới và năm nay được điều chỉnh giá nước sạch, đây là những kết quả trên cả mong đợi của chúng ta.

– Giám sát chặt chẽ các hoạt động của Ban Giám đốc, giải quyết kịp thời các đề xuất của Ban Giám đốc và đưa ra các quyết định, các chỉ đạo kịp thời mang lại hiệu quả kinh tế cho Công ty.

– Trong năm 2017, HĐQT đã ban hành các văn bản về những vấn đề nhân sự, điều hành Công ty, thông qua hồ sơ đăng ký phát hành, chuẩn bị nguồn vốn đầu tư thực hiện dự án, định hướng về chiến lược phát triển kế hoạch SXKD và chỉ đạo công tác quản lý trong phạm vi thẩm quyền của HĐQT;

- Đã thực hiện việc đưa cổ phiếu của Công ty lên sàn giao dịch chứng khoán HOSE với mã chứng khoán là BWE;
- Thực hiện xong việc thoái 10% vốn sở hữu Nhà nước tại Công ty. Hiện tại vốn Nhà nước nắm giữ 41% vốn điều lệ.
- Giám sát chặt chẽ công tác quản lý điều hành cũng như việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, việc tuân thủ công bố thông tin theo quy định.
- Tăng cường công tác quản lý, giám sát Ban Giám đốc và bộ máy giúp việc của Công ty. Nâng cao chất lượng của công tác kiểm tra kiểm soát nội bộ, kiểm tra việc thực thi công việc theo sự phân công nhiệm vụ hoặc phân cấp từ HĐQT.

d. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017, thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty quy định, nhằm đảm bảo lợi ích cổ đông và người lao động, Tổng Giám đốc đã triển khai các giải pháp kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế và nghị quyết của HĐQT công ty.

Hội đồng quản trị thường xuyên theo dõi công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Giám đốc Công ty phối hợp với Ban Kiểm soát Công ty giám sát các vấn đề:

+ Thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 và các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 đề ra và việc thực hiện các Quyết định của HĐQT đã ban hành về hoạt động của Công ty.

+ Qua các cuộc họp của HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh tính đến thời điểm hiện tại cũng như phương hướng trong thời gian tới để HĐQT xem xét, đánh giá việc thực hiện kế hoạch SXKD, các chỉ tiêu kinh tế tài chính để có chỉ đạo kịp thời; Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của doanh nghiệp kịp thời đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực cho mọi hoạt động SXKD của doanh nghiệp.

+ Thông qua nội dung kiểm tra, đánh giá của Ban kiểm soát về tình hình tài chính và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Giám đốc Công ty.

+ Việc tuân thủ và thực hiện các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

+ Thường xuyên đôn đốc nhắc nhở Ban Giám đốc kiểm tra giám sát các dự án mà công ty đang triển khai xây dựng nhằm đưa vào sử dụng đúng tiến độ.

3. Đánh giá hoạt động của Ban Giám đốc Công ty

Thực hiện Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 thông qua ngày 24/05/2017, HĐQT luôn theo sát và chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện đạt nhiều nội dung kế hoạch đề ra. Hoạt động của Ban Giám đốc được đánh giá mỗi 2 tháng 1 lần và theo định kỳ từng quý, năm cụ thể về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017, cụ thể như:

+ Tổng doanh thu đạt: **1.858** tỷ đồng, đạt 109% nghị quyết (1.700 tỷ đồng), tăng 23% so với năm 2016 (1.510 tỷ đồng).

- + Lợi nhuận sau thuế trong năm đạt: **206** tỷ đồng.
- + Thất thoát nước trong năm 2017: **6,1%/năm**, giảm 0,4% so với năm 2016 (6,5%).
- + Cổ tức đạt và có thể vượt 2%/vốn điều lệ so với kế hoạch (5%vốn điều lệ).
- + Thu nhập người lao động ổn định và tăng khoảng 10% so với năm 2016.
- + Các quỹ đều được trích và sử dụng đúng quy định và ổn định.

HĐQT cũng đã chỉ đạo Ban Giám đốc xây dựng kế hoạch cho năm 2018, đặc biệt là đã chỉ đạo điều chỉnh giá xử lý rác thải và nước sạch trong bối cảnh hết sức khó khăn về nhiều mặt;

Nhìn chung, Ban Giám đốc đã hoàn thành những mục tiêu quan trọng như: phát triển hệ thống cấp nước ra vùng ven, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản được thực hiện đúng tiến độ và phát huy hiệu quả ngay khi đưa vào sử dụng..., triển khai thực hiện hóa đơn điện tử, bảo vệ thành công việc điều chỉnh giá xử lý rác, nước sạch và quan trọng hơn hết kết quả kinh doanh năm 2017 các chỉ tiêu chính đều đạt và vượt so với tin thân và nghị quyết đại hội Cổ đông thường niên 2017.

4. Về công tác quản trị tài chính

Công tác quản trị tài chính luôn được HĐQT chú trọng. Công tác kiểm toán, kiểm soát chi tiêu tài chính trong hoạt động kinh doanh, trong XDCB thường xuyên được tăng cường, công khai minh bạch tài chính đảm bảo theo qui định của pháp luật.

III. KẾ HOẠCH QUẢN TRỊ VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG TY CỦA HĐQT NĂM 2018

Phát huy những kết quả đạt được của năm 2017, tiếp tục thực hiện các giải pháp trong điều hành sản xuất, kinh doanh, phấn đấu hoàn thành hoặc vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018. Thực hiện tốt kế hoạch cấp nước an toàn, giảm thất thoát nước. Các giải pháp cần tập trung chỉ đạo thực hiện như sau:

1. Về điều hành quản lý sản xuất:

- Tăng cường công tác nhân sự, làm tốt công tác dịch vụ khách hàng, bán hàng để đáp ứng tương xứng với giá cả dịch vụ mới.
- Nghiên cứu hoạt động M&A để trở thành một kênh đầu tư kinh doanh của công ty trong tương lai; khi gặp môi trường tốt sẽ nắm lấy thời cơ để tăng thêm.
- Nêu cao tin thân trách nhiệm trong việc phục vụ để khách hàng luôn đạt sự hài lòng về chất lượng dịch vụ, đảm bảo tính an toàn, sạch sẽ của chất lượng sản phẩm cung cấp, đảm bảo vấn đề môi trường để Bình Dương luôn tự hào về hạ tầng kỹ thuật của tỉnh để mạnh dạng mời gọi, thu hút đầu tư nhiều hơn nữa.
- Về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018, mục tiêu đề ra:
 - + Doanh thu tối thiểu đạt 2.050 tỷ đồng.(tăng 10% so với năm 2017)
 - + Lợi nhuận trước thuế tối thiểu đạt 262 tỷ đồng.(tăng 10% so với năm 2017)
- + Cổ tức mong đợi đạt 7%/vốn điều lệ.

2. Về dịch vụ cấp nước

- Tiếp tục phát triển thị trường nước sạch, bên cạnh việc đáp ứng tốt nhu cầu nước sạch đô thị, cần tiếp tục phát triển cấp nước tại các vùng ven nhằm nâng cao chất lượng đời sống của người dân vùng ven và đáp ứng tiêu chí tỷ lệ cấp nước sạch của đô thị;
- Tự động hóa trong lĩnh vực cấp nước, hoàn thiện việc ghi-đọc chỉ số đồng hồ tự động (từ xa);
- Hoàn thiện hóa đơn điện tử và ứng dụng thu tiền nước qua ngân hàng;
- Phát triển, mở rộng kinh doanh nước đóng chai ra ngoài tỉnh nhằm phát triển thương hiệu BIWASE;

3. Về dịch vụ xử lý chất thải

- Triển khai thực hiện nghiên cứu, hoàn chỉnh các công nghệ xử lý rác, tăng cường công tác bán và chuyển giao thiết bị xử lý rác;
- Tập trung nghiên cứu hoàn chỉnh lò đốt rác để xử lý triệt để khí dioxin;
- Xây dựng chiến lược kinh doanh về xử lý rác thải, nâng cao hiệu quả kinh doanh;
- Phối hợp, triển khai và thực hiện việc phân loại rác tại nguồn để giảm thiểu chi phí xử lý rác;
- Phát triển kinh doanh gạch xây dựng Con Voi cũng như cần đánh giá lại hiệu quả sản phẩm này từ các công trình đã và đang sử dụng gạch Con Voi nhằm hoàn thiện công tác sau kinh doanh, tạo thêm cơ hội mở rộng thị trường gạch trong thời gian tới;

4. Về dịch vụ thu gom, xử lý nước thải

- Tiếp tục triển khai, tăng cường công tác đầu nối khách hàng đối với nước thải.
- Thực hiện thanh quyết toán các công trình thoát nước, triển khai thủ tục tiếp nhận bàn giao vận hành hệ thống thoát nước cho phù hợp.

5. Về công tác chống thất thoát nước

- Tiếp tục nâng cao công tác chống thất thoát nước bằng các giải pháp, công nghệ tiên tiến;
- Duy trì tỷ lệ thất thoát nước ở mức hiện tại hoặc thấp hơn.

6. Về công tác quản lý tài sản

- Tiếp tục tổ chức quản lý tài sản thuộc hệ thống thu gom xử lý nước thải và mạng lưới cấp nước;
- Đánh giá hiệu quả chương trình Ghép đôi với công ty cấp nước WANNON-Úc nhằm tăng cường công tác quản lý tài sản của công ty

7. Về triển khai thực hiện các dự án

- Thực hiện đúng/vượt tiến độ các dự án Công ty làm Chủ đầu tư;

- Có chiến lược huy động các nguồn vốn phù hợp như: vốn ODA ít điều kiện (Bộ Tài chính), Quỹ Đầu tư-Phát triển, Quỹ Bảo vệ Môi trường, các ngân hàng có lãi suất cho vay thấp;
- Tiếp tục tìm nguồn vốn với lãi suất tốt để thực hiện các dự án sản xuất kinh doanh của công ty về cấp nước, rác thải và đầu tư tài chính.

Trên đây là báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của HĐQT Công ty Cổ phần Nước –Môi trường Bình Dương năm 2017.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổ đông Cty;
- HĐQT Cty;
- Ban Giám đốc Cty;
- Ban Kiểm soát Cty;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Thiên

Thủ Dầu Một, ngày 27 tháng 02 năm 2018

BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017 & PHƯƠNG HƯỚNG NĂM 2018

Kính gửi: ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

I. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017.

1. TỔNG QUAN.

Thực hiện theo chỉ đạo của thủ tướng chính phủ về cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước, công tác cổ phần hóa đã được công ty triển khai thực hiện theo đúng trình tự và tiến độ quy định. Kể từ ngày 30/9/2016, công ty đã chính thức chuyển hình thức từ công ty TNHH 100% vốn sở hữu của nhà nước thành công ty cổ phần và đến nay tỷ lệ vốn nhà nước tham gia 41% và vốn tư nhân 59% vốn điều lệ.

Nhìn chung, trong thời gian qua, tình hình kinh tế vĩ mô cơ bản giữ được ổn định, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp, sản xuất công nghiệp có dấu hiệu phục hồi. Tuy nhiên, về mặt kinh tế - xã hội, tình hình đầu tư nói chung vẫn còn nhiều khó khăn và hạn chế, nhất là tại lĩnh vực đầu tư công, tốc độ phục hồi của các doanh nghiệp trong nước còn chậm,...

Ảnh hưởng tình hình khó khăn chung, trong năm 2017 về phía Công ty cũng còn một số diễn biến chưa thuận lợi như: chi phí sản xuất nước sạch còn cao do chất lượng nước nguồn có dấu hiệu giảm sút làm ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm; trong khi đó giá nước sạch chưa được điều chỉnh phù hợp với tốc độ tăng của chi phí đầu vào. Chi phí vốn vay đầu tư ngày càng cao do công ty tăng cường, mở rộng đầu tư mới hệ thống cấp nước trong khi nguồn vốn ODA ngày càng bị hạn chế làm tăng chi phí lãi vay, ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động.

Tuy nhiên, với sức mạnh đoàn kết, thống nhất, lãnh đạo quyết liệt của Hội đồng quản trị, Ban Điều hành và với nỗ lực của tập thể CBCNV đã phấn đấu và hoàn thành tốt nhiệm vụ, kế hoạch được giao năm 2017.

2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017

- Tổng doanh thu thực hiện: **1.858** tỷ đồng, đạt 109% kế hoạch đề ra tại nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2017 (1.700 tỷ đồng), tăng 23% so với năm 2016 (1.510 tỷ đồng).

- Tổng chi phí: **1.620** tỷ đồng.

- Lợi nhuận trước thuế: **238** tỷ đồng, đạt 79% so với nghị quyết đại hội đề ra (≥ 300 tỷ đồng), đạt 77 % so với năm 2016 (308 tỷ đồng). Lợi nhuận sau thuế trong năm đạt: **206** tỷ đồng.

2.1. Sản xuất kinh doanh nước sạch:

- Doanh thu sản xuất nước: **1.010** tỷ đồng, đạt 114% so với năm 2016 (889 tỷ đồng).
- Sản lượng nước sản xuất: **122.643.235m³**, trong đó 2.445.459 m³ nước tự dùng phục vụ bảo trì, súc xả đường ống, nước vệ sinh công nghiệp và nước phục vụ phòng cháy chữa cháy. Lượng hoá chất sử dụng như vôi, phèn, clor... sử dụng theo quy định, tiêu chuẩn về xử lý nước ăn uống.
- Sản lượng nước tiêu thụ: **113.478.384m³**, đạt 85,8% so với kế hoạch năm 2017 (132.202.000m³).
- Thất thoát nước trong năm 2017: **6,1%/năm**, giảm 0,4% so với năm 2016 (6,5%).
- Điện năng tiêu thụ bình quân cho 1 m³ nước sản xuất là: **0,32 Kw/m³**.
- Số lượng đầu nối khách hàng cấp nước tăng trong năm 2017: **34.816** đầu nối, đạt 96% kế hoạch được giao 8.750 đầu nối và lũy kế tính đến ngày 31/12/2017 đã có 213.724 đầu nối khách hàng, cụ thể tại các Xí nghiệp, nhà máy như:

STT	XÍ NGHIỆP/ NM NƯỚC	KHÁCH HÀNG TĂNG TRONG NĂM					KH LŨY KẾ ĐẾN 31/12/2017
		Kinh doanh, dịch vụ	HCS N	Sản xuất	Dân dụng	TỔNG CỘNG	
1	THỦ DẦU MỘT	54	7	1	7.255	7.317	46.799
2	DĨ AN	37	40	63	12.626	12.766	83.530
3	KHU LIÊN HỢP	13	10	92	6.324	6.439	31.843
4	TÂN UYÊN	3	11	93	1.287	1.394	8.502
5	DẦU TIẾNG	2	1	4	291	298	4.390
6	PHƯỚC VĨNH	1	-3	0	280	278	2.923
7	BÀU BÀNG	-2	3	781	144	926	2.311
8	XNCN THUẬN AN	152	10	13	3.452	3.627	31.655
9	CN CHƠN THÀNH	12	7	19	1.733	1.771	1.771
	TỔNG	272	86	1.066	33.392	34.816	213.724

Tính đến cuối năm 2017 công ty đang quản lý và khai thác tổng cộng khoảng 3.696 km đường ống cấp nước các loại từ D60 – D1400, trong đó tăng thêm trong năm 2017 đạt 395km, cụ thể như sau:

STT	Tên nhà máy	Số đường ống quản lý, khai thác (m)
1	XNCN Khu Liên Hợp	71.365
2	XNCN Dĩ An	107.400
3	XNCN Thị xã TDM	82.601
4	XNCN Tân Uyên	22.561
7	XNCN Thuận An	30.774
8	CNCN Chơn Thành	55.272

9	Nhà máy nước Bàu Bàng	3.971
10	Nhà máy nước Phước Vĩnh	2.914
11	Nhà máy nước Dầu Tiếng	2.060
Tổng cộng		394.515m

2.2 Công tác thu gom, vận chuyển và xử lý rác:

- Doanh thu năm 2017: **498** tỷ đồng, đạt 105% kế hoạch được giao 2017 (475 tỷ đồng) đạt 176% so với năm 2016 (283,30 tỷ đồng).
- Khối lượng rác tiếp nhận trong năm 2017 là 783.732,39 tấn và 3.619,31 m³ nước rỉ rác, trung bình tiếp nhận và xử lý khoảng: **2.177 tấn/ngày** và 10,05 m³/ngày nước rỉ rác. Phân loại chất thải và chiếm tỷ lệ như: Rác thải sinh hoạt (556.749,21 tấn, chiếm 71,04%), Rác công nghiệp (226.983,18 tấn, chiếm 28,96%) trong đó: Rác nguy hại (12.634 tấn, chiếm 1,61%), Rác công nghiệp không nguy hại (172.409,8 tấn, chiếm 22%), Bùn thải thải nguy hại (12.548,8 tấn, chiếm 1,6%), Bùn thông thường (28.859 tấn, chiếm 3,68%) và chất thải y tế (531,6 tấn, chiếm 0,07%).
- Tổng số khách hàng của xí nghiệp xử lý chất thải đến nay là: **2.138** khách hàng, trong đó phát triển trong năm 2017 đến nay là **322** khách hàng (đến 31/12/2016 là 1.816 khách hàng).

2.3 Công tác thu gom, xử lý nước thải:

Doanh thu năm 2017 của lĩnh vực xử lý nước thải: 39 tỷ đồng, đạt **122 %** kế hoạch được giao 2017(32 tỷ đồng).

- Nhà máy xử lý nước thải thành phố Thủ Dầu Một đã được khánh thành giai đoạn 1, công suất 17.650m³/ngày.đêm vào ngày 31/5/3013. Đến nay, tổng lượng nước đã xử lý trong năm 2017: 4.493.612m³, đạt công suất bình quân khoảng **12.482** m³/ngày đêm với chất lượng nước thải sau xử lý ổn định, đạt loại A, QCVN 14:2008/BTNMT. Số lượng hộ đầu nối đến 31/12/2017: **4.566hộ**, trong đó tăng trong năm 2017 là **800** hộ.
- Nhà máy xử lý nước thải Thuận An: đã được khánh thành giai đoạn 1, công suất 17.000m³/ngày.đêm vào ngày 21/04/2017. Đến nay, tổng lượng nước đã xử lý năm 2017: 868.168m³, đạt công suất bình quân khoảng **2.509**m³/ngày đêm với chất lượng nước thải sau xử lý ổn định, đạt loại A, QCVN 14:2008/BTNMT. Số lượng hộ đầu nối đến 31/12/2017: **503hộ**.

2.4 Công tác tổ chức, nhân sự:

Đến ngày 31/12/2017, công ty có tổng số CBCNV là 1.038 người. Trình độ CBCNV công ty như sau:

STT	Trình độ	Số lượng (người)	Chiếm tỷ lệ (%)
1	Đại học và trên đại học	216	20,8
2	Cao đẳng	75	7,3
3	Trung học	192	18,5
4	Công nhân kỹ thuật	459	44,2
5	Khác	96	9,2
Tổng cộng		1.038	100

Trong năm 2017: Số lao động tăng 14 người so với năm 2016 (1.024 người). Như vậy, đến nay công ty có:

+ 12 Xí nghiệp trực thuộc (6 Xí nghiệp Cấp nước: Dĩ An, Thủ Dầu Một, Khu liên hợp, Tân Uyên, Thuận An, Chơn Thành – Tỉnh Bình Phước, 1 Xí nghiệp Xử lý chất thải, 2 Xí Nghiệp xử lý nước thải: Thủ Dầu Một, Thuận An, 1 Xí nghiệp tư vấn Cấp thoát nước, 1 Xí nghiệp dịch vụ đô thị và thành lập mới 1 Xí nghiệp Xây lắp Công nghệ Cơ Điện BIWASE).

+ 4 Ban Quản lý dự án và 4 phòng nghiệp vụ và thành lập mới 1 Phòng Quản lý tài sản thoát nước.

+ 3 nhà máy nước (NMN Dầu Tiếng, NMN Phước Vĩnh, NMN Bàu Bàng).

+ 1 Trung tâm Dạy nghề và nâng cao nguồn nhân lực BIWASE, 1 trung tâm quản lý chất lượng nước.

2.5 CÔNG TÁC THOẢI VỐN NHÀ NƯỚC:

Trong kỳ, từ tháng 8→9/2017 tiến hành thực hiện công tác thoái vốn nhà nước, đến ngày 22/9/2017 hoàn tất thoái vốn nhà nước 10% vốn điều lệ, tương đương 15 triệu cổ phần, giảm tỷ lệ vốn nhà nước hiện tại còn 41% vốn điều lệ tại công ty BIWASE với giá chuyển nhượng cổ phần bình quân 25.500 đồng/cp, tương đương giá trị vốn nhà nước thu về lần này là 382,5 tỷ đồng.

2.6 XÂY DỰNG CƠ BẢN

Các công trình đang thực hiện giải ngân trong năm đạt **1.567** tỷ đồng, đạt 97,3% kế hoạch năm 2017 (1.611 tỷ đồng). Nhìn chung, trong công tác xây dựng cơ bản tuy có khó khăn về vốn, về công tác giải tỏa đền bù, hồ sơ phức tạp nhưng cơ bản đạt mục tiêu đề ra, các công trình chủ yếu bao gồm:

❖ Dự án cấp nước

- Dự án Tuyến ống Cấp nước Nam Thủ Dầu Một mở rộng, công suất 45.000m³/ng.đêm. Nguồn vốn ADB với tổng giá trị đầu tư 1.016 tỷ đồng. Giá trị giải ngân trong năm đạt 468,25 tỷ đồng.
- Dự án nâng công suất Dự án Cấp nước khu đô thị công nghiệp Mỹ Phước, GD 2, công suất tăng thêm 30.000 m³/ngày đêm. Nguồn vốn tự có với tổng giá trị đầu tư 83 tỷ đồng. Giá trị giải ngân trong năm đạt 63,6 tỷ đồng.
- Dự án mở rộng nâng công suất nhà máy nước Uyên Hưng, công suất tăng thêm 30.000 m³/ngày đêm. Nguồn vốn tự có với tổng giá trị đầu tư 29,5 tỷ đồng. Giá trị giải ngân trong năm đạt 26,9 tỷ đồng
- Tiếp tục đầu tư mở rộng mạng lưới tuyến ống cấp nước thuộc dự án Nhà máy nước Bàu Bàng và Chơn Thành – Bình Phước. Nguồn vốn tự có với tổng giá trị gần 98,6 tỷ đồng.
- Đầu tư phát triển ống dịch vụ cấp nước: nguồn vốn tự có của công ty với tổng giá trị đầu tư 97,7 tỷ đồng, các công trình tập trung đầu tư chủ yếu ở Xí nghiệp cấp nước Thủ Dầu Một, Xí nghiệp cấp nước Dĩ An, Xí nghiệp cấp nước Khu Liên Hợp, Xí nghiệp cấp nước Thuận An, Xí nghiệp cấp nước Tân Uyên. Một số công trình điển hình như: tuyến ống cấp nước Khu dân cư Việt Sing GD 2, D400 đường DT 743 đoạn từ đường Nguyễn Thị Minh Khai – Trần Văn Ôn, đường DT 744 chợ An Tây đến công ty OSCA Bến Cát...

❖ Dự án Rác thải

- Dự án Mở rộng nâng công suất nhà máy xử lý rác, công suất tăng thêm 420 tấn/ngày. Nguồn vốn ngân sách, vốn vay và tự có với tổng giá trị đầu tư: 484 tỷ đồng. Giá trị giải ngân trong năm đạt 44 tỷ đồng.

- Dự án xây dựng bể ủ số 4 thuộc khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nam Bình Dương. Nguồn vốn vay và tự có với tổng giá trị đầu tư: 32 tỷ đồng. Giá trị giải ngân trong năm đạt 18 tỷ đồng.

❖ **Dự án Thoát nước:** Tổng giá trị giải ngân trong năm 2017 của các dự án thoát nước đạt 1.399 tỷ đồng, gồm các dự án:

- Dự án Cải thiện Môi trường nước Nam Bình Dương, giai đoạn 2. Nguồn vốn vay JCA Nhật Bản với tổng giá trị đầu tư: 6.398 tỷ đồng. Giá trị giải ngân trong năm đạt 984,36 tỷ đồng.
- Dự án xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu vực thị xã Dĩ An. Nguồn vốn vay WB với tổng giá trị đầu tư: 2.516 tỷ đồng. Giá trị giải ngân trong năm đạt 244,67 tỷ đồng.
- Dự án Thoát nước và xử lý nước thải khu vực Dĩ An, Thuận An, Tân Uyên. Nguồn vốn ORIO với tổng giá trị đầu tư: 893 tỷ đồng. Giá trị giải ngân trong năm đạt 190,68 tỷ đồng

Nhìn chung, công tác đầu tư XDCB của Công ty từ công tác chuẩn bị đến công tác thực hiện và quyết toán dự án được thực hiện theo trình tự quy định, đồng thời công tác quản lý, giám sát và có năng lực, kinh nghiệm triển khai thực hiện dự án nên tiến độ hoàn thành dự án đạt vượt kế hoạch mong muốn.

2.7 Kết quả đầu tư tài chính tính đến 31/12/2017

S T T	Nội dung	Giá trị đầu tư tài chính (tỷ đồng)			Số cổ phần, chiếm %	Tỷ lệ chia cổ tức (%)
		Số đầu kỳ	Phát sinh (+/-)	Số cuối kỳ		
1	Công ty CP ĐT XD Chánh Phú Hòa	93,959	0	93,959	7.729.167 43,12%	20% (2.000đồng/cp)
2	Công ty CP cấp nước Đồng Nai	232,500	0	232,500	15.000.000 15%	7% (700đồng/cp)
3	Công ty Cổ phần tái chế vật liệu xanh (3R)	3,750	0	3,750	375.000 22,9%	
Tổng cộng		329.709	0	329.709		

II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH SXKD NĂM 2017

Do các sản phẩm của công ty chủ yếu là các sản phẩm, dịch vụ công ích nên kết quả thực hiện các lĩnh vực hoạt động chuyên ngành mang tính đặc thù, thì ngoài nỗ lực hoàn thành các chỉ tiêu đánh giá hiệu quả tài chính thì quan trọng hơn là những hiệu quả về mặt môi trường, hạ tầng đô thị góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân và tạo động lực phát triển cho tỉnh Bình Dương. Một số đánh giá kết quả thực hiện trong năm như sau:

❖ **Cấp nước:**

- Mặc dù đã đẩy mạnh công tác phát triển khách hàng, nhưng hiệu quả đạt được chưa được như mong đợi, chỉ tiêu thực hiện về sản lượng tiêu thụ và số đầu nối khách hàng trong năm chưa đạt chỉ tiêu đề ra.

- Công tác trình điều chỉnh giá nước sạch: trong năm đã chuẩn bị tốt nhất và đến nay đã có kết quả như mong đợi.

- Nhằm mở rộng phạm vi phục vụ, công ty đã triển khai thi công tuyến ống cấp nước đến các vùng nông thôn, vùng ven các thị trấn để người dân được hưởng lợi ích từ nguồn nước sạch của công ty. Đến nay, 50% số xã thuộc vùng nông thôn tỉnh Bình Dương với trên 12.200 đầu nối khách hàng với tổng giá trị đã đầu tư đạt trên 278 tỷ đồng, tuy nhiên hiệu quả mang lại hiện chưa tương xứng.

- Về chống thất thoát, thất thu kết quả phần khởi nhưng cần duy trì ở mức thất thoát thấp, đầu tư thêm nhiều thiết bị có giá trị nhằm ổn định áp lực trong mạng lưới, phát hiện xử lý một số lỗi bất hợp lý trên mạng.

❖ **Rác thải:**

- Công tác thu gom và xử lý rác trong năm có nhiều thuận lợi: lượng rác sinh hoạt thu gom và xử lý ngày càng tăng cao, công nghệ được sử dụng tiên tiến và xử lý triệt để, tối đa tận dụng những nguồn lực, tài nguyên hiện có để tạo ra những sản phẩm có ích cho xã hội, các sản phẩm gạch, phân bón Con Voi đều được khách hàng nhiệt tình đón nhận.

- Ngoài ra, trong kỳ hoàn thành phương án xin điều chỉnh đơn giá xử lý rác sinh hoạt và vừa được UBND tỉnh phê duyệt áp dụng đơn giá mới nên doanh thu từ hoạt động xử lý chất thải có phát sinh tăng trong thời gian tới.

❖ **Nước thải:**

- Các hệ thống thu gom, xử lý nước thải mới được đưa vào hoạt động nên trong năm lượng nước thải thu gom đạt khá và có nhiều tiềm năng tăng trưởng khách hàng đầu nối trong những năm tới.

❖ **Đầu tư:**

- Đầu tư xây dựng cơ bản: Việc tìm kiếm nguồn vốn đầu tư ưu đãi và phù hợp cho các công trình mang tính công ích ngày càng khó khăn.

- Đầu tư tài chính: vẫn còn một số việc chưa như ý.

III. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

3.1 Nhận định tình hình kinh doanh năm 2018:

a. Thuận lợi :

- Bình Dương đang có sức hút tốt đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước, đặt biệt tại khu trung tâm hành chính của tỉnh, huyện mới Bàu Bàng và Bắc Tân Uyên, tình hình phát triển chung của thế giới có dấu hiệu tăng dần. Do vậy, cơ hội cung cấp các dịch vụ cấp, thoát nước, xử lý rác thải sẽ tăng theo. Ngoài ra, việc kinh doanh nước sạch ra ngoài tỉnh, tại huyện Chơn Thành – tỉnh Bình Phước cũng có nhiều khởi sắc.
- Thương hiệu của Công ty đã tạo được uy tín trong thị trường. Trong đó phân bón Con voi ngày càng được các khách hàng tin tưởng sử dụng.
- Có đội ngũ CBCNV đoàn kết, năng nổ, tích cực làm việc. Công ty tạo được uy tín với người lao động.

b. Khó khăn:

- Giá cả đầu vào tăng cao, chi phí vốn đầu tư cao;

- Nguồn nước ngày càng có dấu hiệu ô nhiễm, chi phí xử lý tăng và ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của nhà máy (Nước sông Sài Gòn – NMN Thủ Dầu Một);
- Các nhà máy nước đã được đầu tư mới nâng công suất, cần tăng cường công tác đầu nối khách hàng để tăng cường hiệu quả sử dụng. Một số nhà máy nước như Dĩ An, Thuận An, Phước Vĩnh, Dầu Tiếng có dấu hiệu thị trường, khách hàng tiêu thụ nước sạch mới không còn nhiều nên chỉ tiêu phát triển khách hàng cũng cần đánh giá, xem xét kỹ lưỡng. Trạm bơm nước thô Nhà máy nước Uyên Hưng cũng đã hoạt động hết công suất → cần đầu tư mở rộng, tăng công suất cấp nước trong thời gian tới.
- Có nhiều hộ dân vẫn còn dùng giếng nước ngầm nên việc đầu nối đồng hồ khách hàng không còn nhiều, một số doanh nghiệp tại khu vực Tân Uyên còn hạn giấy phép khai thác nước ngầm, đăng ký sử dụng nước của công ty ít và mang tính đối phó.

3.2 Kế hoạch, chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2018

Vượt lên mọi khó khăn, tự cải tiến chính bản thân, từng người lãnh đạo, người quản lý, người công nhân luôn phấn đấu tăng năng suất lao động năm sau cao hơn năm trước, ngày càng làm hài lòng khách hàng nhiều hơn. Từ đó, một số chỉ tiêu kế hoạch công ty đặt ra, cụ thể như sau:

- Doanh thu: tăng tối thiểu **10%** so với thực hiện năm 2017.
- Lợi nhuận trước thuế: tăng tối thiểu **10%** so với thực hiện năm 2017.
- Nước thương phẩm: tăng tối thiểu **10%** so với thực hiện năm 2017.
- Rác các loại tiếp nhận và xử lý: tăng **10%** so với thực hiện năm 2017.
- Thu gom, xử lý nước thải: **15.000 m³/ngày**.
- Thất thoát giảm toàn công ty: Dưới **7%/năm**.
- Đảm bảo thực hiện đúng tiến độ các công trình trọng điểm. Sửa chữa, tu bổ, mua sắm thiết bị để bảo đảm kế hoạch sản xuất kinh doanh.

3.5 Một số giải pháp thực hiện

- Hoàn chỉnh phương án điều chỉnh giá nước sạch của công ty áp dụng trên địa bàn tỉnh Bình Dương và Bình Phước để sớm áp dụng vào tháng 3/2018.
- Tiếp tục nâng cao nhận thức người lao động, nâng cao năng lực thực hiện nhiệm vụ, cải tiến trong công tác điều hành, quản lý vận hành hiệu quả, tiết kiệm chi phí.
- Tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, kiện toàn bộ máy quản lý, tăng năng suất và hiệu quả lao động.
- Chọn đúng đối tượng, đúng mục tiêu, chủ động triển khai phối hợp tốt với chính quyền địa phương, bám sát đối tượng sử dụng nước, hạn chế sử dụng nguồn nước ngầm, kể cả hệ thống nước ngầm của nước sạch nông thôn bằng cách tăng cường đầu tư, mở rộng cấp nước khu vực nông thôn.
- Phát động phong trào thi đua khen thưởng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, điều chỉnh thu nhập từng đợt phù hợp với hiệu quả công việc thực hiện để kích thích người lao động sáng tạo.
- Ứng dụng những thành tựu khoa học công nghệ, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cải thiện điều kiện lao động. Ứng dụng công tác công nghệ thông tin để nâng cao hiệu quả quản lý trong việc tự động hóa công tác ghi đọc đồng hồ nước khách hàng và dịch vụ thanh toán của khách hàng qua ngân hàng.
- Tăng cường công tác đào tạo nâng cao trình độ và cập nhật thường xuyên quản trị và kiến thức về chứng khoán và pháp lý phù hợp với hình thức công ty cổ phần.

- Tiếp tục thực hiện khẩu hiệu hành động: **“Sự hài lòng của khách hàng là mục tiêu làm việc của chúng ta. Sự phát triển công ty là niềm vui, niềm tự hào của chúng ta”**

Trên đây là Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017 và Phương hướng hoạt động kinh doanh năm 2018.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT Cty;
- Ban Kiểm soát Cty;
- Lưu VT.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Chiến Công

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT
Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Mã số	CHỈ TIÊU	31/12/2017	01/01/2017 (Đã điều chỉnh)
		VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	1.505.315.330.707	1.233.909.786.943
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	270.025.171.262	213.883.870.608
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	171.300.000.000	133.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	746.893.699.083	604.787.891.610
140	IV. Hàng tồn kho	312.473.720.179	275.157.014.249
150	V. Tài sản ngắn hạn khác	4.622.740.183	6.581.010.476
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN	9.554.352.083.504	7.495.050.921.426
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	13.788.325.205	15.495.572.083
220	II. Tài sản cố định	4.006.565.452.956	3.723.574.209.739
221	1. Tài sản cố định hữu hình	3.921.105.575.047	3.637.068.071.695
227	3. Tài sản cố định vô hình	85.459.877.909	86.506.138.044
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	5.154.022.065.631	3.380.540.269.808
242	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	5.154.022.065.631	3.380.540.269.808
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	320.075.556.009	315.254.741.831
260	VI. Tài sản dài hạn khác	59.900.683.703	60.186.127.965
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	11.059.667.414.211	8.728.960.708.369
300	C. NỢ PHẢI TRẢ	7.708.836.276.015	5.875.579.045.653
310	I. Nợ ngắn hạn	1.831.655.670.700	1.495.530.096.816

330	II. Nợ dài hạn	5.877.180.605.315	4.380.048.948.837
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	3.350.831.138.196	2.853.381.662.716
410	I. Vốn chủ sở hữu	3.350.202.813.300	2.852.526.779.947
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	1.500.000.000.000	1.500.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	186.675.685.027	17.661.830.664
422	3. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	1.663.527.128.273	1.334.864.949.283
430	II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	628.324.896	854.882.769
431	1. Nguồn kinh phí	520.280.000	520.280.000
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	108.044.896	334.602.769
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	11.059.667.414.211	8.728.960.708.369

Ghi chú: Tại thời điểm phát hành báo cáo này, các tài sản thuộc lĩnh vực xử lý nước thải; thoát nước; khu vực TĐC Chánh nghĩa không tính vào giá trị doanh nghiệp theo Quyết định số 3782/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 về việc phê duyệt quyết toán cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước - Môi trường Bình Dương tính đến thời điểm ngày 31/12/2017 với tổng số tiền là 5.708,18 tỷ đồng chưa được hoàn tất các thủ tục bàn giao do chưa có văn bản hướng dẫn từ các cơ quan có thẩm quyền. Do đó, các tài sản này vẫn tiếp tục được theo dõi trên Báo cáo tài chính của Công ty cho đến khi chính thức bàn giao cho đơn vị khác quản lý.

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Mã số	CHỈ TIÊU	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/12/2017	Từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016 (Đã điều chỉnh)
		VND	VND
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.795.861.124.399	379.258.069.155
02	Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.795.861.124.399	379.258.069.155
11	Giá vốn hàng bán	1.145.951.496.846	232.934.750.074
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	649.909.627.553	146.323.319.081
21	Doanh thu hoạt động tài chính	37.745.008.150	14.419.080.023
22	Chi phí tài chính	87.010.455.133	54.441.663.385
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	92.628.932.575	20.003.291.033
25	Chi phí bán hàng	267.643.228.208	51.974.449.768
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	101.516.786.922	30.623.807.553
30	1. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	231.484.165.440	23.702.478.398
31	1. Thu nhập khác	24.417.069.616	4.726.598.868
32	1. Chi phí khác	17.897.330.820	8.320.444.851

40	1. Lợi nhuận khác	6.519.738.796	(3.593.845.983)
50	2. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	238.003.904.236	20.108.632.415
51	2. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31.490.049.873	2.446.801.751
52	2. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-
60	3. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	206.513.854.363	17.661.830.664

III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

Công Ty Cổ Phần Nước – Môi Trường Bình Dương chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/10/2016 do vậy Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2016 đến ngày 31/12/2016 là kỳ đầu tiên Công ty nên không thể so sánh được với số liệu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

Chỉ tiêu	Năm 2017	Ghi chú
Tổng tài sản	11.059.667.414.211	
Doanh thu thuần	1.795.861.124.399	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	231.484.165.440	
Lợi nhuận khác	6.519.738.796	
Lợi nhuận trước thuế	238.003.904.236	
Lợi nhuận sau thuế	206.513.854.363	
1. Chỉ số khả năng thanh toán		
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,82	
- Hệ số thanh toán nhanh	0,65	
2. Các chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
- Hệ số nợ / Tổng tài sản	0,69	
- Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu	2,3	
3. Chỉ số về năng lực hoạt động		
- Vòng quay hàng tồn kho	3,9	
- Doanh thu thuần / Tổng tài sản-Ts loại	0,34	
4. Chỉ tiêu khả năng sinh lời		
- Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	11,5%	
- Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	6,6%	
- Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản-TS loại	3,9%	
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần	12,8%	

Bình Dương, ngày 27 tháng 02 năm 2018

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Tấn Đức

Trần Chiến Công



Thủ Dầu Một, ngày 27 tháng 2 năm 2018

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NĂM 2018

- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương.
- Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát.
- Căn cứ báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty năm 2017.

Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, thẩm định báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, thẩm định báo cáo quyết toán tài chính và báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty năm 2017. Nay Ban Kiểm soát thống nhất báo cáo trình đại hội như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

1.1 Công tác kiểm tra tình hình hoạt động trong kỳ:

Ban kiểm soát được đại hội đồng cổ đông thành lập ngày 22/9/2016 bầu cử gồm 3 thành viên:

1. Bà Dương Anh Thư - Trưởng ban.
2. Trần Thị Kim Oanh – Thành viên.
3. Nguyễn Hữu Bình – Thành viên.

Ban kiểm soát đã thực hiện các nhiệm vụ chính như sau:

- Kiểm tra, giám sát các hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty trong việc thực hiện theo Điều lệ hoạt động của Công ty, thực hiện theo các quy chế quản lý tài chính, Quy chế quản lý công nợ, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và của HĐQT công ty ban hành và đề nghị sửa đổi phù hợp.

- Kiểm tra việc thực hiện công tác đầu tư xây dựng cơ bản theo trình tự quy định hiện hành.

- Kiểm tra, kiểm soát các hồ sơ pháp lý, Ban Kiểm soát phối hợp và hỗ trợ với các phòng ban chuyên môn để hỗ trợ, tham mưu HĐQT, Ban Tổng Giám đốc cũng như các nhà máy, xí nghiệp trực thuộc thực hiện hiệu quả công việc và phù hợp quy định, qua đó thực hiện đạt các chỉ tiêu được giao tại ĐHĐCĐ năm 2017.

- Kiểm tra tính pháp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác tổ chức kế toán, Kiểm tra các số liệu hoạt động sản xuất kinh doanh hàng quý, năm, các hợp đồng, các chứng từ kế toán, các báo cáo tài chính quý và năm 2017 của Công ty.

- Theo dõi tình hình hoạt động của các công ty có vốn góp của BIWASE.
- Tham dự, giám sát các cuộc họp của HĐQT và các công việc khác.

1.2 Công tác Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017:

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị đã tiến hành 11 cuộc họp, với nội dung họp bàn và ra các quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, các nội dung chủ yếu họp bàn về quyết định kế hoạch sản xuất kinh doanh, đề xuất, xác định mức cổ tức tạm ứng và tổ chức chi trả cổ tức năm 2017 và quyết định một số vấn đề kinh doanh, giao dịch cần có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị theo quy định.

1.3 Kế hoạch, định hướng công tác BKS năm 2018.

- Ban Kiểm soát sẽ tiếp tục thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

- Phối hợp, kiểm tra, kiểm soát liên quan đến công tác sử dụng nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, vật tư sử dụng được hiệu quả, công tác quản lý các khoản nợ phải thu, phải trả và các hoạt động khác của Công ty.

- Kiểm tra, kiểm soát trình tự, pháp lý và hiệu quả thực hiện công tác đầu tư phát triển, mở rộng sản xuất, kinh doanh của công ty. Kiểm tra việc thực hiện và chấp hành đúng hướng dẫn của nhà nước về trình tự xây dựng cơ bản, đảm bảo công tác quản lý chi phí đầu tư xây dựng cơ bản đúng đắn, minh bạch, tiết kiệm chi phí, giảm giá thành nâng cao hiệu quả các dự án, công trình.

- Giám sát, thực hiện công tác pháp lý, công bố thông tin phù hợp với hình thức của công ty đại chúng quy mô lớn.

- Phối hợp hoàn chỉnh xây dựng đơn giá nước sạch tỉnh Bình Dương và giá xử lý nước thải khu vực Thuận An cho phù hợp và kịp thời với tình hình biến động giá cả nguyên vật liệu sử dụng đầu vào.

- Giám sát HĐQT, Ban điều hành Công ty thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2018.

- Thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

II. ĐÁNH GIÁ VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017

2.1 Công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện nhiệm vụ đúng theo quy chế hoạt động của HĐQT. Tất cả các phiên họp được tiến hành đúng quy định của Điều lệ Công ty. Nội dung họp và nghị quyết tại các phiên họp đều là những vấn đề thuộc nhiệm vụ và thẩm quyền của HĐQT.

Giữa các phiên họp định kỳ của Hội đồng quản trị, khi cần giải quyết các vấn đề cấp bách thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị tổ chức họp bổ sung và có thông tin cho Ban Kiểm soát.

2.2 Công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện đầy đủ, kịp thời các Nghị quyết, quyết định của HĐQT. Chủ động lập kế hoạch, quản lý, điều hành, sử dụng vốn, tài sản, lao động, phân công nhiệm vụ kịp thời, hợp lý và hiệu quả trong Ban Giám đốc để chỉ đạo, điều hành sản xuất kinh doanh, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước và chế độ chính sách cho người lao động.

Với nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên, sự đoàn kết trong tập thể Ban Tổng Giám đốc và chỉ đạo kịp thời của HĐQT, Công ty đã từng bước khắc phục khó khăn, đảm bảo hoàn thành kế hoạch SXKD theo Nghị quyết của HĐQT.

2.3 Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Giám đốc điều hành và Cổ đông.

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc đã phối hợp chặt chẽ trong công tác quản lý, điều hành hoạt động của Công ty.

Các cuộc họp của HĐQT đều mời Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát tham dự, đóng góp ý kiến xây dựng hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý điều hành Công ty.

Các nghị quyết của HĐQT ban hành đều có sự thống nhất cao, cung cấp đầy đủ kịp thời cho Ban Kiểm soát, Giám đốc điều hành.

Sự phối hợp giữa HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty được thực hiện chặt chẽ và phù hợp.

III. THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2017

3.1. Công tác lập và kiểm toán Báo cáo tài chính.

Tại thời điểm kiểm soát, BCTC năm 2017 của Công ty đã được Đơn vị kiểm toán độc lập kiểm soát gồm: Báo cáo kết quả hoạt động SXKD, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo các khoản phải nộp nhà nước và thuyết minh BCTC năm 2017.

Căn cứ báo cáo tài chính và các báo cáo liên quan, sau khi xem xét kiểm tra, Ban Kiểm soát nhận thấy:

+ Các chứng từ kế toán được thực hiện đầy đủ và lưu giữ gọn gàng, đáp ứng tốt yêu cầu công tác kiểm tra, kiểm soát. Các biểu mẫu báo cáo rõ ràng, đúng theo quy định.

+ Công ty đã tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

+ Các số liệu báo cáo tài chính năm 2017 phản ánh trung thực tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2017.

- Ban Kiểm soát thống nhất với số liệu báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty.

3.2. Nhận xét kết quả báo cáo tài chính năm 2017.

3.2.1. Các chỉ tiêu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính : đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.795.861.124.399
2. DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.795.861.124.399
3. Giá vốn hàng bán	1.145.951.496.846
4. LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	649.909.627.553
5. Doanh thu hoạt động tài chính	37.745.008.150
6. Chi phí tài chính	87.010.455.133
7. Chi phí bán hàng	267.643.228.208

8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	101.516.786.922
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	231.484.165.440
10. Thu nhập khác	24.417.069.616
11. Chi phí khác	17.897.330.820
12. Lợi nhuận khác	6.519.738.796
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	238.003.904.236
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.490.049.873
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	0
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	206.513.854.363

Thực hiện theo Nghị quyết của HĐQT, HĐQT và Ban điều hành Công ty đã chủ động đề ra các giải pháp tích cực khắc phục khó khăn, tập trung khai thác tốt nhất những khả năng và nguồn lực của Công ty để thực hiện công việc đạt kết quả theo Nghị quyết đã đề ra như: cụ thể chỉ tiêu tổng doanh thu thực hiện năm 2017, tỷ lệ thất thoát nước đều đạt vượt kế hoạch so với kế hoạch đề ra, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	% so với
		năm 2017	năm 2017	KH
		(1)	(2)	(3=2/1)
1. Tổng Doanh thu	Tỷ đồng	1.700	1.858	109
2. Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	300	238	79
3. Sản lượng nước tiêu thụ	m ³	132.202.000	113.478.384	86
4. Đầu nổi khách hàng	KH	36.000	34.816	97
5. Thất thoát nước	%	6,5	6,1	Giảm 0,4%
6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đ/cổ phiếu	500	1.101	220

Nhận xét:

Trong năm 2017, chỉ tiêu doanh thu thực hiện đạt 109% kế hoạch được giao và tăng 20,7% so với cùng kỳ năm 2016 (1.540 tỷ đồng). Sản lượng nước tiêu thụ trong kỳ đạt 85,84% kế hoạch được giao. Kết quả thất thoát nước trong năm 2017 thấp hơn 0,4% so với kế hoạch: Đây là thành quả của những nỗ lực lớn của ban điều hành, đội ngũ chống thất thoát nước và tập thể công ty.

Đánh giá một số chỉ tiêu hoạt động năm 2017:

+ **Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu** = Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu =

ROS = 207/1796 tỷ đồng = 11,5%. Tỷ lệ này rất cao so với tỷ suất lợi nhuận nhà nước quy định khi xây dựng phương án giá nước là 5%.

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) = Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu bình quân

$$ROE = \frac{206.513 \text{ Tr. đồng}}{(3.350.202 \text{ tr đồng} + 2.852.526 \text{ Tr. đồng})} = 6,65 \%$$

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA) = Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản (trừ TS loại ra)

$$ROA = 206.513 \text{ Tr VND} / 5.351.487 \text{ tr VND} = 3,85 \%$$

Như vậy, các chỉ số ROS, ROE, ROA như đánh giá trên hiệu quả hoạt động công ty đạt khá cao so với các doanh nghiệp hoạt động cùng ngành nước.

3.2.2. Tình hình tài sản, nguồn vốn tại thời điểm 31/12/2017:

Mã số	TÀI SẢN	2017 Tr VND	2016 (điều chỉnh) Tr VND	So với năm 2016 (đã quyết toán CP hóa)	
				Mức tăng	Mức tăng
				(+/-)	(%)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	1.505.314	1.233.910	271.404	22,0
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	270.025	213.884	56.141	26,2
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	171.300	133.500	37.800	28,3
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	746.894	604.788	142.106	23,5
140	IV. Hàng tồn kho	312.473	275.157	37.316	13,6
150	V. Tài sản ngắn hạn khác	4.622	6.581	-1.959	-29,8
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN	9.554.353	7.495.051	2.059.302	27,5
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	13.788	15.496	-1.708	-11,0
220	II. Tài sản cố định	4.006.566	3.723.575	282.991	7,6
240	III. Tài sản dở dang dài hạn	5.154.022	3.380.540	1.773.482	52,5
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	320.076	315.254	4.822	1,5
260	V. Tài sản dài hạn khác	59.901	60.186	-285	-0,5
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	11.059.667	8.728.961	2.330.706	26,7
300	A. NỢ PHẢI TRẢ	7.708.837	5.875.579	1.833.258	31,2
310	I. Nợ ngắn hạn	1.831.656	1.495.530	336.126	22,5
330	II. Nợ dài hạn	5.877.181	4.380.049	1.497.132	34,2
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	3.350.830	2.853.382	497.448	17,4
410	I. Vốn chủ sở hữu	3.350.202	2.852.527	497.675	17,4
430	II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	628	855	-227	-26,5
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	11.059.667	8.728.961	2.330.706	26,7

Nhận xét:

Số liệu so sánh năm 2016 là số liệu đã được công ty quyết toán chi phí thu – chi cổ phần hóa để xác định giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần theo Quyết định số 3782/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh Bình Dương. Vì vậy số liệu đầu kỳ năm 2017 có sự thay đổi so với báo cáo kỳ trước cụ thể các chỉ tiêu như sau:

- Hàng tồn kho (MS140): giảm 2.843 Tr đồng do hoàn nhập khấu hao của phần TSCĐ không tính vào giá trị doanh nghiệp (công trình Khu tái định cư Chánh Nghĩa).

- Tài sản cố định (MS 220): hao mòn lũy kế 7.028 tr đồng do hoàn nhập khấu hao của TSCĐ được loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp, khấu hao tài sản cố định không cần dùng.

- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (MS 250): Tăng 10,799 tr đồng do đánh giá lại khoản đầu tư vào công ty CP Tái chế Vật Liệu Xanh giảm 593.561 tr đồng và hoàn nhập khoản dự phòng vào Công ty CP tái chế Vật Liệu Xanh 604.360 tr đồng.

- Nợ ngắn hạn (MS 310) : Tăng 12.364 tr đồng trong đó :

+ Khoản mục các khoản phải trả, phải nộp khác tăng 10.037 tr đồng do tăng lợi nhuận nộp về công ty mẹ 7.026 tr đồng, quỹ đầu tư phát triển phải nộp về quỹ HTSX doanh nghiệp tại Công ty mẹ 3.010 tr đồng.

+ Khoản mục Thuế và các khoản phải nộp NN : tăng 1.116 tr đồng do thuế thu nhập DN tăng thêm do hoàn nhập các khoản dự phòng và khấu hao TSCĐ

- Số dự phòng bảo hành công trình đã hết thời gian bảo hành 1.211 tr đồng số tiền này phải nộp về quỹ hỗ trợ sắp xếp tại công ty mẹ.

- Vốn chủ sở hữu (MS 410) Khoản mục lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giảm 8.186 tr đồng do tăng các khoản phải thu ngắn hạn do hoàn nhập dự phòng 6.318 tr đồng, tăng hàng tồn kho do hoàn nhập dự phòng 639 tr đồng và dự phòng bảo hành công trình tại ngày 30/09/2016 đến 01/10/2017 đã hết thời hạn bảo hành nhưng không phát sinh chi phí bảo hành --> Phải nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp Doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2, Điều 1, Nghị định 116/2015/NĐ-CP số tiền 1.211 tr đồng.

Tuy nhiên, các chỉ tiêu trong bảng cân đối kế toán đã tăng trưởng một cách ổn định, ở mức tương đương với mức trung bình ngành, phù hợp với các chính sách quản lý rủi ro và đang được kiểm soát chặt chẽ của Bivase.

Đánh giá một số chỉ tiêu tài sản - vốn:

+ **Khả năng thanh toán nợ: Tài sản ngắn hạn/ Nợ ngắn hạn** = 1.505.315 trđ/1.831.655 trđ = 82,18 % → Khả năng thanh toán nợ = 0,82 < 1 lần. Hệ số này cho thấy tại thời điểm 31/12/2017, khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của công ty chỉ đạt 82%, tuy nhiên các khoản nợ ngắn hạn của công ty đa phần từ các khách hàng thân quen nên khả năng phải thanh toán cùng lúc là không có, hệ số này vẫn nằm trong hệ số an toàn của ngành (là >0,7).

+ **Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu:** Nợ phải trả/Tổng vốn chủ sở hữu = 7.708.836 Tr đồng /3.350.831 Tr đồng = 2,3 lần. Tỷ lệ này cao, tuy nhiên vẫn nằm trong hệ số an toàn (hệ số cho phép là không quá 3 lần).

+ **Hệ số tài sản dài hạn/nợ dài hạn:** Giá trị tài sản dài hạn/nợ dài hạn = 9.554.352 tr đồng/5.877.180 tr đồng = 1,62 lần. Công ty có đủ và vượt khả năng thanh toán nợ dài hạn.

IV. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ VÀ KIẾN NGHỊ.

4.1. Nhận xét, đánh giá

Trong năm 2017, Công ty đã thực hiện đầy đủ các nội dung theo nghị quyết đại hội đồng cổ đông đề ra và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch quan trọng như chỉ tiêu Tổng doanh thu (đạt 109%), chỉ tiêu thất thoát nước (đạt 6,1%) đạt và vượt mức kế hoạch năm 2017. Tuy nhiên chỉ tiêu phát triển đầu nối khách hàng sử dụng nước vẫn chưa đạt như mong đợi (đạt 97%), chỉ tiêu khối lượng nước sạch tiêu thụ (đạt 86%).

- Ngoài ra, công ty đã thực hiện chấp hành tốt việc công bố thông tin phù hợp quy định của công ty đại chúng có quy mô lớn cũng như thực hiện các chế độ, chính sách pháp luật theo quy định tại các lĩnh vực về thuế, thu nộp ngân sách, tín dụng, bảo hiểm, bảo vệ môi trường, lao động, tiền lương, chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán, chế độ báo cáo tài chính và báo cáo khác đều được thực hiện theo quy định.

4.2. Kiến nghị:

1. Có giải pháp xử lý đối với các mặt hàng tồn kho không còn hiệu quả sử dụng cũng như tránh việc tồn kho hàng hóa, vật tư lớn. Sớm hoàn thiện phương án quản lý tài sản hữu hình cũng như vô hình của công ty nhằm giữ gìn và phát triển thương hiệu BIWASE.

2. Có giải pháp phối hợp với các đơn vị trực thuộc thực hiện đối chiếu đầy đủ phần công nợ phải thu, phải trả.

3. Thực hiện thanh quyết toán các công trình thoát nước và phối hợp với các sở ban ngành có liên quan báo cáo cấp có thẩm quyền về việc thực hiện bàn giao cho đơn vị quản lý, vận hành hệ thống thoát nước cho phù hợp với đối với các tài sản không tính vào giá trị doanh nghiệp mà công ty đang làm chủ đầu tư.

4. Tăng cường công tác đào tạo, nâng cao năng lực cho các cán bộ chủ chốt của công ty, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ kế toán, kiểm toán đặc biệt tại lĩnh vực chứng khoán cũng như công tác pháp chế để nâng cao hơn hiệu quả và đáp ứng nhiều hơn nữa cho nhu cầu của công việc và công tác điều hành của công ty cổ phần.

Trên đây là nội dung kết quả làm việc của Ban kiểm soát đã được các thành viên Ban Kiểm soát thông qua về công tác kiểm tra giám sát tình hình hoạt động năm 2017 của Công ty Cổ phần nước – Môi trường Bình Dương, kính báo cáo trước đại hội.

Trân trọng kính chào!

TM. BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY

TRƯỞNG BAN



Dương Anh Thư

Số: 12 /TTr.HĐQT

Thủ Dầu Một, ngày 02 tháng 03 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v Miễn nhiệm thành viên ban kiểm soát
và bầu bổ sung thành viên ban kiểm soát nhiệm kỳ I (2016-2021)

Kính gửi: Đại hội cổ đông thường niên năm 2018

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014 (gọi tắt là “Luật Doanh nghiệp 2014”)
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương.
- Căn cứ vào đơn từ nhiệm thành viên ban kiểm soát của ông Nguyễn Hữu Bình Ngày 22/02/2018.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 xem xét, thông qua miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên ban kiểm soát:

1. Miễn nhiệm thành viên ban kiểm soát:

- Họ và tên người miễn nhiệm: **Nguyễn Hữu Bình**
- Ngày tháng năm sinh: 25/04/1978
- Chức vụ trong BKS: Thành viên ban kiểm soát

2. Bầu cử bổ sung thành viên ban kiểm soát:

Để đảm bảo số lượng thành viên ban kiểm soát theo qui định của Điều 32 Điều lệ Công ty và luật doanh nghiệp 2014, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội cổ đông thông qua việc bầu bổ sung 01 thành viên ban kiểm soát.

Kính trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 xem xét, phê chuẩn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổ đông Công ty;
- Thành viên HĐQT Cty;
- Ban TGD Cty;
- Thành viên BKS Cty;
- Lưu: VT – HĐQT.



Nguyễn Văn Thiên

DỰ THẢO

Bình Dương, ngày tháng 03 năm 2018



QUY CHẾ

ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ VÀ BẦU CỬ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT TẠI PHIÊN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018 CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014 (gọi tắt là “Luật Doanh nghiệp 2014”);
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần nước – môi trường Bình Dương được thông qua ngày 22/09/2016

Việc bầu cử bổ sung thành viên Ban kiểm soát (BKS) tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 Công ty cổ phần nước – môi trường Bình Dương được tiến hành theo những qui định sau đây:

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này được sử dụng cho việc đề cử, ứng cử và bầu thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2018, đảm bảo việc thực hiện theo đúng quy định pháp luật hiện hành.
2. Quy chế này điều chỉnh các hoạt động về việc đề cử, ứng cử và bầu thành viên Ban kiểm soát (BKS), bao gồm:
 - a) Quy định về đề cử, ứng cử thành viên BKS (Kiểm soát viên)
 - b) Quy định về việc bầu thành viên BKS
3. Đối tượng áp dụng: Đại biểu bao gồm Cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (sau đây viết tắt là đại diện cổ đông) (theo danh sách cổ đông Công ty chốt đến ngày 07/02/2018), thành viên Ban tổ chức phiên họp ĐHĐCĐ thường niên Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương.

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông, đại diện cổ đông khi tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông

1. Quyền của các cổ đông, đại diện cổ đông khi tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông

Mỗi cổ đông, đại diện cổ đông khi đến tham dự phiên họp ĐHĐCĐ đều được nhận một Phiếu bầu cử BKS, trên phiếu có ghi rõ số cổ phần mà cổ đông, đại diện cổ đông đó nắm giữ và số phiếu bầu tương ứng được sử dụng để bầu cử.

2. Nghĩa vụ của các cổ đông, đại diện cổ đông khi tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông

- a) Tuân thủ các điều kiện và thể thức bầu cử quy định tại Quy chế này;
- b) Các cổ đông, đại diện cổ đông khi tới tham dự Đại hội phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự với Ban tổ chức Đại hội;
- c) Cổ đông, đại diện cổ đông khi được phát Phiếu bầu cử phải kiểm tra lại số cổ phần ghi trên Phiếu bầu cử, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban tổ chức tại thời điểm nhận phiếu;
- d) Nghiêm túc chấp hành Quy chế bầu cử tại phiên họp ĐHĐCĐ, tôn trọng kết quả bỏ phiếu tại Đại hội.

CHƯƠNG II

QUY ĐỊNH VỀ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Đề cử, ứng cử Kiểm soát viên

1. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát

- a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014 và các qui định pháp luật hiện hành;
- b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;
- c) Không phải là người giữ các chức vụ quản lý Công ty; người trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;
- d) Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên;
- đ) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Quy định về đề cử, ứng cử Ban kiểm soát

Các cổ đông sở hữu có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 25% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử tối đa hai (02) ứng viên.

Điều 5. Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử ứng viên để bầu thành viên Ban Kiểm soát

1. Đơn đề cử, ứng cử vào các chức danh BKS (01 bản gốc) theo mẫu;
2. Sơ yếu lý lịch của ứng viên (01 bản gốc) theo mẫu;
3. Các văn bản chứng minh ứng cử viên đủ các điều kiện, tiêu chuẩn theo Quy chế, quy định của pháp luật (01 bản gốc hoặc bản sao hợp lệ).

Điều 6. Lựa chọn các ứng cử viên

Dựa trên Đơn xin ứng cử, đề cử của các cổ đông/nhóm cổ đông đề cử, ứng cử vào thành viên BKS của Công ty, Ban tổ chức Đại hội sẽ lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện như quy định để đưa vào danh sách ứng viên tham gia bầu vào thành viên BKS và thông qua danh sách tại Đại hội.

Điều 7. Hồ sơ tham gia đề cử ứng cử thành viên Ban kiểm soát

- Đơn đề cử, ứng cử tham gia BKS, sơ yếu lý lịch theo mẫu trên Website www.biwase.com.vn
- Bản sao các giấy tờ: CMND, các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn.
- Hồ sơ đề cử, ứng cử gửi về Công ty trước 15h ngày **14/03/2018** (*tính theo dấu bưu điện, quá thời hạn trên hồ sơ không có giá trị*) theo địa chỉ sau:

**BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯƠNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ: 11 Ngõ Văn Trị, P. Phú Lợi, TP. Thủ Dầu Một, Bình Dương

Điện thoại: (0650) 3824245

Fax: (0650) 3897722

Liên hệ: Bà Dương Anh Thư

Điện thoại: 0919365689

CHƯƠNG III

BẦU CỬ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 8. Phiếu bầu cử và cách ghi phiếu bầu

1. Phiếu bầu

- a) Phiếu bầu được in thống nhất do Ban tổ chức phát hành;

- b) Trên phiếu bầu ghi rõ danh sách các ứng viên được sắp xếp theo thứ tự ABC; mã đại biểu, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, số phiếu bầu, có đóng dấu treo Công ty ;
- c) Mỗi đại biểu sẽ được phát một (01) phiếu bầu: **Phiếu bầu Ban kiểm soát**. Đại biểu khi được phát phiếu phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban kiểm phiếu.

2. Cách ghi phiếu bầu

- a) Mỗi đại biểu được phát một (01) phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:
 - Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên cần bầu;
 - Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn đều phiếu” của các ứng viên tương ứng, số phiếu sẽ được chia đều cho các ứng viên được chọn;
 - Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.

Lưu ý:

- Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn đều phiếu” vừa ghi số lượng vào ô “Số phiếu bầu” thì kết quả lấy theo số lượng phiếu tại ô “Số phiếu bầu”.
 - Khi đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn đều phiếu” số phiếu bầu sẽ được chia đều cho các ứng viên được chọn, lúc này số phiếu mỗi ứng viên được nhận sẽ được làm tròn xuống hàng đơn vị, phần lẻ (là phần thập phân nhỏ hơn 1) nếu có phát sinh sẽ tự động xóa bỏ.
- b) Trường hợp ghi sai, cổ đông đề nghị Ban tổ chức đổi phiếu bầu khác;
 - c) Ký xác nhận việc thực hiện bầu.

3. Tính hợp lệ và không hợp lệ của phiếu bầu cử

- a) Phiếu bầu hợp lệ: là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu; phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự.
- b) Các phiếu bầu sau đây sẽ được coi là không hợp lệ:
 - Ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu;
 - Ghi nội dung trên phiếu bầu bằng viết chì;
 - Gạch tên các ứng cử viên;
 - Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, phiếu không có dấu treo của Công ty, hoặc đã tẩy xóa, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài qui định cho phiếu bầu;
 - Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng ứng viên cần bầu;

- Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu của đại biểu;
- Phiếu nộp sau khi Ban kiểm phiếu đã mở niêm phong thùng phiếu;
- Không có chữ ký của đại biểu tham dự.

Điều 9. Phương thức bầu cử

- a) Việc bầu thành viên BKS thực hiện bỏ phiếu kín theo phương thức bầu dồn phiếu;
- b) Tổng số phiếu bầu của mỗi cổ đông, đại diện cổ đông tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm cổ phần cá nhân sở hữu và cổ phần được ủy quyền đại diện) nhân với số lượng Thành viên số lượng Kiểm soát viên được bầu. Cổ đông, đại diện cổ đông có quyền sử dụng hoặc không sử dụng một phần hoặc dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho ứng cử viên.
- c) Số lượng Thành viên BKS được bầu là một (01) thành viên.

Điều 10. Ban Bầu cử và Kiểm phiếu, nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

1. Ban Bầu cử và Kiểm phiếu

- a) Ban Bầu cử và Kiểm phiếu gồm 03 người do Chủ tọa đề cử và được ĐHĐCĐ thông qua. Thành viên Ban Kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào BKS;
- b) Ban Bầu cử và Kiểm phiếu có trách nhiệm tiến hành các thủ tục cần thiết cho việc bỏ phiếu bầu Thành viên BKS, bao gồm: Chuẩn bị hòm phiếu, phổ biến Quy chế bầu cử, danh sách ứng viên thành viên BKS, trình tự bỏ phiếu; hướng dẫn ghi phiếu; giám sát việc bỏ phiếu và tiến hành kiểm phiếu, công bố kết quả bầu cử trước Đại hội.

2. Nguyên tắc bỏ phiếu và kiểm phiếu

- a) Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông;
- b) Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi việc phát phiếu bầu cử được hoàn tất và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu;
- c) Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;
- d) Kết quả kiểm phiếu được lập thành văn bản và được Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trước ĐHĐCĐ.

Điều 11. Nguyên tắc xác định trúng cử thành viên Ban Kiểm soát

1. Người trúng cử thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.
2. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

3. Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số thành viên BKS cần bầu thì sẽ tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

Điều 12. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

1. Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số phiếu thu về, số phiếu hợp lệ, số phiếu không hợp lệ, số và tỉ lệ bầu cho từng ứng cử viên vào BKS; Danh sách thành viên BKS trúng cử được sắp xếp theo thứ tự số phiếu bầu từ cao xuống thấp.
2. Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước ĐHĐCĐ.

Điều 13. Khiếu nại

Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu sẽ do Chủ tọa phiên họp giải quyết và được ghi vào biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 14. Điều khoản thi hành

Qui chế này có hiệu lực thực hiện ngay sau khi được đại hội thông qua.

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

TỜ TRÌNH

Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2017.

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty CP Nước – Môi Trường Bình Dương kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Phương án phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2017 như sau :

Căn cứ để thực hiện việc phân phối :

- 1./ Căn cứ nghị quyết số 15/BB-ĐHĐCĐ2017-HĐQT ngày 24/05/2017 được ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 thông qua và Nghị quyết về việc điều chỉnh trích lập các quỹ năm 2017.
- 2./ Căn cứ BCTC năm 2017 của Công ty CP Nước – Môi trường Bình Dương đã được kiểm toán bởi Công ty AASC.

Thứ tự phân phối như sau :

1./ Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2017 (LNST).	: 206.513.854.363 đ
2./ Trích các quỹ	: 119.130.640.464 đ
- Quỹ Đầu tư phát triển 35% LNST	: 72.279.849.027 đ
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 42.296.923.765 đ
- Quỹ thưởng của người quản lý	: 4.553.867.672 đ
3./ Lợi nhuận sau thuế 2017 còn lại được chia cổ tức	: 87.383.213.899 đ
4./ Lợi nhuận sau thuế quý 4/2016 còn lại chưa chia cổ tức	: 17.661.830.664 đ
5./ Tổng lợi nhuận được dùng để chia cổ tức là	: 105.045.044.563 đ
6./ Chia cổ tức năm 2017 (5% trên vốn điều lệ đã góp)	: 75.000.000.000 đ
7./ Lợi nhuận còn lại sau khi chia cổ tức	: 30.045.044.563 đ

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét cho Công ty chia cổ tức thêm 2% trên vốn điều lệ đã góp từ lợi nhuận còn lại sau khi

chia cổ tức (mục 7) tương đương số tiền 30.000.000.000 đồng, số tiền còn lại là 45.044.563 đồng được trích bổ sung vào quỹ đầu tư phát triển.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.



Nguyễn Văn Thiên

TỜ TRÌNH

V/v điều chỉnh việc trích lập quỹ lương, quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2017.

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.

- Căn cứ Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;
- Căn cứ Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ LĐTBXH hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.
- Căn cứ nghị quyết số 15/BB-ĐHĐCĐ2017-HĐQT ngày 24/05/2017 được ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 thông qua.

Nay Hội đồng quản trị Công ty CP Nước – Môi Trường Bình Dương kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc điều chỉnh trích lập quỹ lương, quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết số 15/BB-ĐHĐCĐ2017-HĐQT ngày 24/05/2017 như sau:

1./ Từ 01/01 – 30/09/2017 Công ty có Vốn Nhà nước chiếm 51% vốn điều lệ nên việc trích lập quỹ lương, quỹ khen thưởng phúc lợi thực hiện theo Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước; Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà Nước.

2./ Ngày 22/9/2017, Công ty hoàn thành việc thoái vốn Nhà nước từ 51% xuống còn 41% vốn điều lệ. Do vậy, từ ngày 01/10 → 31/12/2017 việc trích lập quỹ lương, quỹ khen thưởng phúc lợi thực hiện theo Nghị quyết số 15/BB-ĐHĐCĐ2017-HĐQT ngày 24/05/2017 được ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 thông qua như sau:

- Quỹ lương CB CNV : 12%/Doanh thu.
- Quỹ lương VCQL : 0,5%/Doanh thu.

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi : 15%/ LNST, trong đó:
 - + Quỹ khen thưởng : 14%/LNST.
 - + Quỹ phúc lợi : 1%/LNST.
- Quỹ khen thưởng ban điều hành : 5%/LNST

Hội đồng quản trị Công ty kính mong Đại hội đồng cổ đông xem xét chấp thuận để Công ty trích lập các quỹ đúng theo quy định.

Trân trọng./.



Nguyễn Văn Thiên

Thủ Dầu Một, ngày 02 tháng 3 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2018.

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014.
- Căn cứ điều lệ của Công ty cổ phần Nước – Môi Trường Bình Dương.

Nay Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty CP Nước – Môi Trường Bình Dương kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2018 như sau :

Thứ tự phân phối như sau :

- | | |
|---|-------------------------------|
| I./ Dự kiến chia cổ tức năm 2018 | : 7% trên vốn điều lệ đã góp. |
| II./ Trích các quỹ | : 55% LNST |
| 1./ Quỹ đầu tư phát triển | : 35% LNST |
| 2./ Quỹ khen thưởng, phúc lợi | : 15% LNST |
| - Quỹ khen thưởng | : 14% LNST |
| - Quỹ phúc lợi | : 1% LNST |
| 3./ Quỹ thưởng người quản lý | : 5% LNST |
| III./ Lợi nhuận còn lại sau phân phối sẽ bổ sung vào Quỹ đầu tư phát triển. | |

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.


TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Thiên

CÔNG TY CỔ PHẦN
NƯỚC - MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 16 /Tr. HĐQT

Thủ Dầu Một, ngày 02 tháng 3 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v thông qua Quỹ tiền lương của người lao động và
Quỹ tiền lương của lãnh đạo, người quản lý điều hành trực tiếp Công ty năm 2018.

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014.
- Căn cứ điều lệ của Công ty cổ phần Nước – Môi Trường Bình Dương.

Nay Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty CP Nước – Môi Trường Bình Dương kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quỹ tiền lương của người lao động và Quỹ tiền lương của lãnh đạo, người quản lý điều hành trực tiếp Công ty năm 2018 như sau:

- 1./ Quỹ tiền lương của người lao động : 12% Doanh thu.
- 2./ Quỹ tiền lương của lãnh đạo, người quản lý điều hành trực tiếp Công ty: 0,5% Doanh thu.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.



Nguyễn Văn Thiện

TỜ TRÌNH

V/v thông qua tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký năm 2018.

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.

- Căn cứ điều lệ của Công ty cổ phần Nước – Môi Trường Bình Dương.
- Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.
- Căn cứ mức thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát và Thư ký năm 2017.

Nay Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty CP Nước – Môi Trường Bình Dương kính trình Đại hội đồng cổ đông về kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2018 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định hiện hành với số lượng nhân sự cụ thể như sau :

STT	Chi tiết	Số lượng
I	Tiền lương	
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	01
2	Trưởng ban kiểm soát chuyên trách	01
II	Thù lao	
1	Thành viên HĐQT không chuyên trách	06
2	Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách	02
3	Thư ký Hội đồng quản trị	01

Công ty sẽ chi trả tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký Hội đồng quản trị theo đúng quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY
CỔ PHẦN
NƯỚC - MÔI TRƯỜNG
BÌNH DƯƠNG
TP. THỦ DẦU MỘT - BÌNH DƯƠNG



Nguyễn Văn Thiên

Số: 18 /TTr.HĐQT

Thủ Dầu Một, ngày 02 tháng 3 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán
Báo cáo tài chính năm 2018

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014 (gọi tắt là “Luật Doanh nghiệp 2014”)
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty là **Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC**

Công ty Kiểm toán trên hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và nằm trong danh sách các Công ty kiểm toán đủ điều kiện cung cấp dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 và được cung cấp dịch vụ kiểm toán cho các Công ty niêm yết theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua./.



Nguyễn Văn Thiên

Số: 20 /TTr.HDQT

Thủ Dầu Một, ngày 02 tháng 03 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v ban hành Quy chế Quản trị nội bộ
của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương.

Kính gửi: Đại hội cổ đông thường niên năm 2018

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014 (gọi tắt là “Luật Doanh nghiệp 2014”).
- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng.
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương.

Để đảm bảo hoạt động của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh hiện nay của Công ty.

Nay Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 xem xét, thông qua **Quy chế Quản trị nội bộ** của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương.

Dự thảo **Quy chế Quản trị nội bộ** của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương gồm 8 Chương 36 Điều được đăng tải trên Website Công ty.

Kính trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 xem xét, phê chuẩn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổ đông Công ty;
- Thành viên HĐQT Cty;
- Ban TGD Cty;
- Thành viên BKS Cty;
- Lưu: VT – HĐQT.



TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Thiên



CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

Số 11 Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

ĐT : 0650 3 838 333 - 3 89 77 66 Fax : 0650 3 827 738

Email : binhduong@biwase.com.vn - ctyctnbd@hcm.vnn.vn Website : www.biwase.com.vn

Dự thảo



QUY CHẾ QUẢN TRỊ

CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG

(Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ngày.... tháng... năm 2018)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế quản trị Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương (sau đây gọi tắt là Công ty) được xây dựng dựa trên điều lệ hoạt động của công ty, Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17 điều 4 Luật doanh nghiệp, Khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành là thành viên Hội đồng Quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty.
3. Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập là thành viên Hội đồng Quản trị đáp ứng các điều kiện sau:
 - Là thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành và không phải là người có liên quan với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những cán bộ quản lý khác được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm;
 - Không phải là thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc của các công ty con, công ty liên kết, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát;
 - Không phải là cổ đông lớn hoặc người đại diện của cổ đông lớn hoặc người có liên quan của cổ đông lớn của Công ty;
 - Không làm việc tại các tổ chức cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật, kiểm toán cho Công ty trong hai (02) năm gần nhất;
 - Không phải là đối tác hoặc người liên quan của đối tác có giá trị giao dịch hàng năm với Công ty chiếm từ ba mươi phần trăm (30%) trở lên tổng doanh thu hoặc tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào của Công ty trong hai (02) năm gần nhất.

Chương II

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

1. Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 114, điều 115 của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, đặc biệt là:

a) Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong sổ cổ đông của Công ty, trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

b) Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c) Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố về hoạt động của Công ty;

d) Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;

đ) Quyền được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần trong Công ty.

2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng Quản trị vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty; hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị hủy quyết định đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định.

Điều 4. Trách nhiệm của cổ đông lớn

1. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền, lợi ích của Công ty và của các cổ đông khác.

2. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Điều lệ Công ty

1. Điều lệ Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương được Đại hội đồng cổ đông thông qua và không được trái với các quy định tại Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Điều lệ Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương được lập theo tham chiếu Điều lệ mẫu tại Phụ lục của Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-

CP ngày 6 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ để xây dựng.

Điều 6. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường

1. Công ty phải xây dựng và công bố trên trang thông tin điện tử của mình quy định về trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, gồm các nội dung chính sau:

- a) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;
- b) Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
- c) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;
- d) Cách thức bỏ phiếu;
- e) Cách thức kiểm phiếu, đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu;
- f) Thông báo kết quả kiểm phiếu;
- g) Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- h) Lập biên bản Đại hội đồng cổ đông;
- i) Thông báo quyết định/Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ra công chúng;
- j) Các vấn đề khác.

2. Công ty phải tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy định nội bộ của Công ty. Công ty phải công bố thông tin về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu theo quy định. Công ty không được hạn chế cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông, phải tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện việc ủy quyền đại diện tham gia Đại hội đồng cổ đông hoặc bỏ phiếu bằng thư bảo đảm khi cổ đông có yêu cầu. Công ty phải hướng dẫn thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho các cổ đông theo quy định.

3. Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập Đại hội đồng cổ đông sắp xếp chương trình nghị sự, bố trí địa điểm và thời gian hợp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham gia vào các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông bỏ phiếu từ xa, biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

5. Hàng năm, Công ty phải tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ít nhất 01 (một) lần theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

6. Công ty quy định trong Điều lệ Công ty hoặc trong các quy định nội bộ các nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, Công ty phải đảm bảo gửi, công bố đầy đủ tài liệu và đảm bảo thời gian hợp lý cho các cổ đông xem xét tài liệu trước khi gửi phiếu biểu quyết như trường hợp tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 7. Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

- Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm tài chính;
- Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị và từng thành viên Hội đồng Quản trị;
- Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và các quyết định của Hội đồng Quản trị;
- Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc điều hành;
- Kết quả giám sát đối với các cán bộ quản lý khác;
- Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 8. Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

- Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban Kiểm soát;
- Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát và các quyết định của Ban Kiểm soát;
- Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty;
- Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác;
- Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng

Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông.

Điều 9. Tham dự Đại hội đồng cổ đông của kiểm toán viên độc lập

Kiểm toán viên hoặc đại diện công ty kiểm toán độc lập phải được mời dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để phát biểu ý kiến tại Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề liên quan đến Báo cáo tài chính năm trong trường hợp Báo cáo kiểm toán có các khoản ngoại trừ trọng yếu.

Chương III

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 10. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng Quản trị (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được công bố tối thiểu bảy (07) ngày trước ngày triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng Quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:

- Họ tên, ngày tháng năm sinh;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Tên các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị và các chức danh quản lý khác;
- Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- Các thông tin khác (nếu có).

2. Các ứng viên Hội đồng Quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị.

3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng Quản trị. Việc đề cử ứng viên Hội đồng Quản trị mà các cổ đông sau khi gộp số quyền biểu quyết có quyền đề cử phải tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng Quản trị có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ của Công ty. Cơ chế Hội đồng Quản trị đương nhiệm đề cử ứng viên Hội đồng Quản trị được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

5. Công ty quy định và hướng dẫn cụ thể cho cổ đông việc bỏ phiếu bầu thành viên Hội đồng Quản trị theo phương thức dồn phiếu.

Điều 11. Tư cách thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 151 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của công ty.

2. Công ty cần hạn chế thành viên Hội đồng Quản trị kiêm nhiệm các chức danh quản lý trong bộ máy điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng Quản trị.

3. Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc điều hành của cùng một (01) công ty đại chúng áp dụng từ ngày 1/8/2020. Trừ trường hợp việc kiêm nhiệm này được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

4. Thành viên hội đồng quản trị của công ty không được đồng thời là thành viên hội đồng quản trị tại quá năm (05) công ty khác áp dụng kể từ ngày 1/8/2019.

Điều 12. Thành phần Hội đồng Quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị là bảy (07) người. Cơ cấu Hội đồng Quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính và lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng Quản trị cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên kiêm điều hành và các thành viên không điều hành, giữa các thành viên nắm giữ các chức danh điều hành với các thành viên độc lập, trong đó tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên độc lập.

3. Trong trường hợp một thành viên bị mất tư cách thành viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty, bị cách chức, miễn nhiệm hoặc vì một lý do nào đó không thể tiếp tục làm thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty. Việc bầu mới thành viên Hội đồng Quản trị thay thế phải được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất.

Điều 13. Quyền của thành viên Hội đồng Quản trị

Thành viên Hội đồng Quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, đặc biệt là quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

Điều 14. Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng Quản trị

1. Thành viên Hội đồng Quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cần trọng vì quyền lợi tối cao của cổ đông và của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.

4. Thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm công bố cho Công ty các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của Công ty.

5. Các thành viên Hội đồng Quản trị và những người có liên quan khi thực hiện giao dịch cổ phần của Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thực hiện công bố thông tin về việc giao dịch này theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.

2. Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm trước các cổ đông về hoạt động của Công ty.

3. Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của tất cả cổ đông, người có quyền lợi liên quan đến Công ty.

4. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm xây dựng và ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty không được trái với các nguyên tắc và quy định hiện hành về quản trị Công ty. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Trình tự và thủ tục đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị:

- Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng Quản trị;
- Cách thức đề cử người và ứng cử vào vị trí thành viên Hội đồng Quản trị của cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Cách thức bầu thành viên Hội đồng Quản trị;
- Các trường hợp miễn nhiệm hay bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị;

- Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị.

b) Trình tự, thủ tục tổ chức họp Hội đồng Quản trị:

- Thông báo họp Hội đồng Quản trị (gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm, các tài liệu liên quan và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng Quản trị không thể dự họp);

- Điều kiện tổ chức họp Hội đồng Quản trị;
- Cách thức biểu quyết;
- Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng Quản trị;
- Ghi biên bản họp Hội đồng Quản trị;
- Thông báo nghị quyết Hội đồng Quản trị.

c) Trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý:

- Các tiêu chuẩn để lựa chọn cán bộ quản lý;
- Việc bổ nhiệm cán bộ quản lý;
- Ký hợp đồng lao động với cán bộ quản lý;
- Các trường hợp miễn nhiệm cán bộ quản lý;
- Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ quản lý.

d) Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc điều hành:

- Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc điều hành;

- Thông báo nghị quyết của Hội đồng Quản trị cho Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc điều hành;

- Các trường hợp Tổng Giám đốc điều hành và Ban Kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng Quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng Quản trị;

- Báo cáo của Tổng Giám đốc điều hành với Hội đồng Quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao;

- Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề uỷ quyền khác của Hội đồng Quản trị đối với Tổng Giám đốc điều hành;

- Các vấn đề Tổng Giám đốc điều hành phải báo cáo, cung cấp thông tin và

cách thức thông báo cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;

- Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng Quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc điều hành theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.

e) Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.

g) Quy trình, thủ tục về việc thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị.

5. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 7 của Quy chế này.

Điều 16. Hợp Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị tổ chức họp theo đúng trình tự được quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ của Công ty. Việc tổ chức họp Hội đồng Quản trị, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên Hội đồng Quản trị theo đúng thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Biên bản họp Hội đồng Quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên Hội đồng Quản trị tham gia vào phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng Quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 17. Thư ký Công ty

1. Để hỗ trợ cho hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả, Hội đồng Quản trị phải chỉ định ít nhất một (01) người làm Thư ký Công ty. Thư ký Công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật. Thư ký Công ty không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

2. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký công ty bao gồm:

- Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát;

- Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

- Tham dự các cuộc họp;

- Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với luật pháp;

- Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát.

3. Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 18. Các tiểu ban của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị cần thành lập các tiểu ban để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng Quản trị, bao gồm tiểu ban pháp chế, ban đầu tư tài chính, ban nhân sự, ban công bố thông tin, ban quan hệ cổ đông và các tiểu ban đặc biệt khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

2. Trong đó, tiểu ban nhân sự và tiểu ban tài chính phải có ít nhất một (01) thành viên Hội đồng Quản trị làm trưởng ban.

3. Hội đồng Quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các tiểu ban và trách nhiệm của từng thành viên thuộc tiểu ban cũng như các khoản lương thưởng gắn với chức danh và các khoản thù lao khác.

4. Trường hợp Công ty không thành lập các tiểu ban thì Hội đồng Quản trị cử thành viên Hội đồng Quản trị phụ trách riêng về từng vấn đề như lương thưởng, tài chính, nhân sự.

Điều 19. Đào tạo về quản trị công ty

Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, Thư ký Công ty phải tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty tại các cơ sở đào tạo được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước công nhận.

Điều 20. Thù lao của Hội đồng Quản trị

1. Thù lao của Hội đồng Quản trị được Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm và công bố theo quy định.

2. Trường hợp thành viên Hội đồng Quản trị làm kiêm nhiệm chức danh trong bộ máy điều hành Công ty và các Công ty con thì thù lao được công bố phải bao gồm các khoản lương thưởng gắn với chức danh điều hành và các khoản thù lao khác.

3. Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí do Công ty thanh toán cho các thành viên Hội đồng Quản trị được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty.

Chương IV

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN KIỂM SOÁT

Điều 21. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát

Trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác, việc ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện tương tự việc ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng Quản trị được quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 5 Điều 10 Quy chế này.

Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên

hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Công ty. Cơ chế đề cử của Ban Kiểm soát đương nhiệm được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 22. Tư cách thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát là những người không thuộc đối tượng mà pháp luật và Điều lệ Công ty cấm làm thành viên Ban Kiểm soát. Thành viên Ban Kiểm soát phải là người có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm. Thành viên Ban Kiểm soát có thể không phải là cổ đông của Công ty.

2. Thành viên Ban Kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty.

Điều 23. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát là ba (03) người. Trong Ban Kiểm soát có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

2. Trưởng Ban Kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán, tài chính, kinh tế.

Điều 24. Quyền tiếp cận thông tin của thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền tiếp cận tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin theo yêu cầu của các thành viên Ban Kiểm soát.

2. Công ty xây dựng cơ chế nhằm hỗ trợ thành viên Ban Kiểm soát hoạt động và thực thi nhiệm vụ một cách có hiệu quả theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 25. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm trước cổ đông của Công ty về các hoạt động giám sát của mình. Ban Kiểm soát có trách nhiệm giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Công ty và cổ đông.

2. Ban Kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban Kiểm soát. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban Kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban Kiểm soát.

3. Trong các cuộc họp của Ban Kiểm soát, Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban Kiểm soát quan tâm.

4. Trường hợp Ban Kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng Quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả. Sau thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày ra thông báo nêu trên, nếu người có hành vi vi phạm không chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, Ban Kiểm soát có trách nhiệm báo cáo trực tiếp với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về vấn đề này.

5. Ban Kiểm soát có quyền lựa chọn và đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

6. Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 8 Quy chế này.

Điều 26. Thù lao của Ban Kiểm soát

Hàng năm các thành viên Ban Kiểm soát được hưởng thù lao cho việc thực hiện nghĩa vụ của Ban Kiểm soát. Thù lao cho các thành viên Ban Kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tổng số thù lao, các khoản lợi ích khác cũng như chi phí mà Công ty đã thanh toán, cấp cho từng thành viên Ban Kiểm soát được công bố trong Báo cáo thường niên của Công ty và cho các cổ đông.

Chương V

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 27. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người liên quan tới các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng Quản trị các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát với

chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc nghị quyết Hội đồng Quản trị thông qua các giao dịch nêu trên trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ trên trang thông tin điện tử của Công ty và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

4. Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới thành viên nêu trên, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

5. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, bao gồm các giao dịch mà lợi ích vật chất hay phi vật chất của thành viên Hội đồng Quản trị đó chưa được xác định. Các giao dịch nêu trên phải được công bố trong Báo cáo thường niên của Công ty.

6. Các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 28. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể và công bố thông tin cho cổ đông khi có yêu cầu.

2. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Công ty và gây tổn hại cho lợi ích của Công ty thông qua việc kiểm soát các kênh mua, bán hàng hoá của Công ty hay lũng đoạn giá cả.

3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công ty. Công ty không được cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan.

Điều 29. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này

1. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, trừ trường hợp công ty đại chúng là tổ chức tín dụng.

2. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân, trừ các trường hợp sau đây:

a) Công ty đại chúng là tổ chức tín dụng;

b) Cổ đông là công ty con trong trường hợp công ty con là các công ty không có cổ phần, phần vốn góp nhà nước nắm giữ và đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần của công ty đại chúng trước ngày 01 tháng 7 năm 2015 theo quy định tại khoản 6 Điều 16 Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật doanh nghiệp.

3. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ các trường hợp sau đây:

a) Công ty là tổ chức tín dụng;

b) Công ty và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại Điều lệ công ty;

c) Trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Trừ trường hợp các giao dịch được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, công ty không được thực hiện giao dịch sau:

a) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), các người quản lý khác và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này, trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan đến cổ đông là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

b) Giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty đại chúng với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), các người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 159 Luật doanh nghiệp.

5. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch tại điểm b khoản 4 Điều này có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty

Điều 30: Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến công ty

1. Công ty phải tôn trọng quyền lợi hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, người tiêu dùng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến Công ty.

2. Công ty cần hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến Công ty thông qua việc:

a) Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho ngân hàng và chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của công ty và đưa ra quyết định;

b) Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành.

3. Công ty phải tuân thủ các quy định về lao động, môi trường, hoạt động có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

Chương VI

BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 31. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Công ty cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Ngoài ra, Công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.

2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

Điều 32. Công bố thông tin về quản trị Công ty

1. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong Báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ sáu (06) tháng và công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 33. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành

Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 27 Quy chế này, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc điều hành có trách nhiệm báo cáo và công bố thông tin về giao dịch trong các trường hợp sau:

1. Các giao dịch giữa Công ty với công ty mà các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc điều hành trong thời gian ba (03) năm trước.
2. Các giao dịch giữa công ty với công ty trong đó người liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành hoặc cổ đông lớn.
3. Các giao dịch có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với các thành viên nêu trên.

Chương VII

GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 34. Giám sát

Các tổ chức và cá nhân có liên quan phải chịu sự giám sát về quản trị công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 35. Xử lý vi phạm

Các tổ chức và cá nhân có liên quan vi phạm hoặc không thực hiện quy định tại Quy chế này, tùy theo tính chất, mức độ bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Chương VIII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 36. Tổ chức thực hiện

1. Các tổ chức, cá nhân người có liên quan trong Công ty theo quy định của luật chứng khoán chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này.
2. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Số: 19 /TTr.HĐQT

Thủ Dầu Một, ngày 02 tháng 3 năm 2018

TỜ TRÌNH

V/v sửa đổi, bổ sung một số nội dung Điều lệ
của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương lần thứ hai.

Kính gửi: Đại hội cổ đông thường niên năm 2018

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014 (gọi tắt là “Luật Doanh nghiệp 2014”)
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương.
- Căn cứ nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017 của chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và thông ty số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 về hướng dẫn một số điều của nghị định số 71/2017/NĐ-CP trong đó quy định về điều lệ mẫu của công ty cổ phần.

Để đảm bảo hoạt động của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương phù hợp với các văn bản pháp luật hiện hành và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh hiện nay của Công ty, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương đã chỉnh sửa, bổ sung một số nội dung của Điều lệ Công ty cho phù hợp.

Nay Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 xem xét, thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty theo Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014. Nội dung sửa đổi như sau:

1. Các Điều, Khoản sửa đổi:

Chi tiết các Điều khoản sửa đổi: theo Phụ lục đính kèm Tờ trình này.

2. Các Điều, Khoản khác của Điều lệ (không nằm trong Phụ lục sửa đổi trên):

Không thay đổi (Giữ nguyên các Điều, Khoản như Điều lệ - chỉnh sửa lần thứ 1 năm 2017).

3. Hiệu lực của Điều lệ sửa đổi: Thực hiện và có hiệu lực kể từ ngày ĐHCĐ năm 2018 thông qua.

4. Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương gồm 21 Chương 57 Điều được đăng tải trên Website Công ty.

Kính trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 xem xét, phê chuẩn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổ đông Công ty;
- Thành viên HĐQT Cty;
- Ban TGD Cty;
- Thành viên BKS Cty;
- Lưu: VT – HĐQT.



Nguyễn Văn Thiên



PHỤ LỤC BỔ SUNG, SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG
(*Đính kèm Tờ trình số: 19/TT- HĐQT ngày 02/03/2018*)

Điều lệ đang áp dụng		Đề nghị bổ sung, sửa đổi	Căn cứ pháp lý
<p>Điều 21: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội cổ đông</p> <p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội cổ đông được thực hiện theo qui định sau đây:</p>	<p>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty</p> <p>Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là: Chủ tịch Hội đồng quản trị</p> <p>Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo quy định của pháp luật.</p>		
<p>Điều 21: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội cổ đông</p> <p>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội cổ đông được thực hiện theo qui định sau đây:</p>	<p>Điều 22: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội cổ đông</p> <p><i>Đại hội đồng cổ đông có thể thông qua tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình theo thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.</i> Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội cổ đông được thực hiện theo qui định sau đây:</p>		
<p>Bổ khoản 2&3 Điều 26</p>	<p>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tới thiếu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này</p>		

Điều lệ đang áp dụng	Đề nghị bổ sung, sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	<p>trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; b. Trình độ học vấn; c. Trình độ chuyên môn; d. Quá trình công tác; e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác; f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty; g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có); h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có); i. Các thông tin khác (nếu có). <p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền góp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% đến dưới 25% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 25% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 65% đến dưới 80% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 90% trở lên được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên.</p> <p>3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử không như số lượng cần thiết sẽ thực hiện theo quy chế đại hội hoặc đại hội quyết định.</p>	

Điều lệ đang áp dụng	Đề nghị bổ sung, sửa đổi		Căn cứ pháp lý
Bổ khoản 7,8,9&10 Điều 25	Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được. 2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phân vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty. 3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị. 4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.		
	Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị 1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.		

Điều lệ đang áp dụng	Đề nghị bổ sung, sửa đổi	Căn cứ pháp lý
Bỏ điều 31	<p>2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiêu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiêu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.</p> <p>Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty/Thư ký công ty</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty/Thư ký công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty/Thư ký công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. 2. Người phụ trách quản trị công ty/Thư ký công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau: <ol style="list-style-type: none"> a. Có hiểu biết về pháp luật; b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty; c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị. 3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty/Thư ký công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty/Thư ký công ty tùy từng thời điểm. 4. Người phụ trách quản trị công ty/Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau: <ol style="list-style-type: none"> a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông; b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát; c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp; 	

Điều lệ đang áp dụng	Đề nghị bổ sung, sửa đổi	Căn cứ pháp lý
	<p>d. Tham dự các cuộc họp;</p> <p>e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;</p> <p>g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.</p> <p>h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p> <p>i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	
	<p>Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên</p> <p>1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.</p> <p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p>	